

Thông tin sinh hoạt Yatsushiro (Bản tiếng Việt)

生活情報やつしろ (ベトナム語版)



国指定名勝 松浜軒

Thành phố Yatsushiro

八代市

目 次

はじめに	1
1 八代市について	2
2 八代市役所の業務について	
(1) 仮設庁舎（本庁）	3
(2) 支所	4
3 住民基本台帳制度	5
4 戸籍関係の届出	
(1) 出生	9
(2) 死亡	10
(3) 婚姻	11
(4) 離婚	12
5 在留手続き	
(1) 在留資格	13
(2) 在留期間	13
(3) 「みなし再入国許可」制度	13
(4) 申請の必要なことから	13
(5) 帰化	14
(6) 国籍選択	14
6 住宅を探す	
(1) 民間の住宅	15
(2) 市営住宅	15
7 医療・福祉	
(1) 病院	16
(2) 健康保険	16
(3) 介護保険	17
(4) 年金	17
(5) ドメスティックバイオレンス(DV)	17
8 労働	
(1) 仕事	18
(2) 日本で就労するには	18
(3) 日本で仕事を探すには	18
(4) トラブル	18
(5) パートタイマー	18
9 教育	
(1) 保育園等への入園	19
(2) 幼稚園	19
(3) 小・中学校	19
(4) 高等学校	19
(5) 大学・短大	20
(6) 図書館	20

Mục lục

Lời mở đầu	1
1. Về thành phố Yatsushiro	2
2. Về công việc của Tòa thị chính Yatsushiro	
(1) Văn phòng Chính phủ tạm thời (trụ sở chính)	3
(2) Chi nhánh	3
3. Chế độ Sổ tay trú dân	5
4. Khai báo quan hệ trong hộ tịch	
(1) Sinh con	9
(2) Qua đời	10
(3) Kết hôn	11
(4) Ly hôn	12
5. Thủ tục lưu trú	
(1) Tư cách lưu trú	13
(2) Thời hạn lưu trú	13
(3) Chế độ “Cho phép tái nhập cảnh không cần cấp phép”	13
(4) Trường hợp cần nộp đơn yêu cầu	13
(5) Nhập quốc tịch	14
(6) Chọn quốc tịch	14
6. Tìm kiếm nhà ở	
(1) Nhà ở tư nhân	15
(2) Nhà ở của thành phố	15
7. Y tế, phúc lợi	
(1) Bệnh viện	16
(2) Bảo hiểm sức khỏe	16
(3) Bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng	17
(4) Trợ cấp hàng năm	17
(5) Bảo hành gia đình (DV)	17
8. Lao động	
(1) Công việc	18
(2) Làm việc tại Nhật Bản	18
(3) Tìm kiếm việc làm tại Nhật Bản	18
(4) Các vấn đề	18
(5) Người lao động bán thời gian	18
9. Giáo dục	
(1) Gửi trẻ vào nhà trẻ	19
(2) Trường mẫu giáo	19
(3) Trường tiểu học - trung học cơ sở	19
(4) Trường trung học phổ thông	19
(5) Trường đại học - cao đẳng	20
(6) Thư viện	20

(7) 日本語を学ぶ	20
10 税金	
(1) 所得税	21
(2) 住民税	21
(3) 固定資産税	21
(4) 自動車税	22
(5) 軽自動車税	22
(6) 消費税	22
11 出産・育児	
(1) 妊娠したとき	23
(2) 出産したとき	23
(3) 乳幼児保健サービス・予防接種	23
(4) その他	24
12 交通	
(1) 鉄道の利用のしかた	26
(2) バスの利用のしかた	26
(3) タクシーの利用のしかた	27
(4) 交通ルール	28
(5) 運転免許	28
(6) 国際運転免許証	28
(7) 日本の免許への切替	28
13 郵便・小包	
(1) 郵便	29
(2) 国際小包	29
(3) EMS(国際スピード郵便)	29
14 緊急時のために	
(1) 事故・盗難にあったとき	30
(2) 火事するとき	30
(3) 急病やけがのとき	31
(4) 自然災害に備えて	31
(5) 交通事故にあったとき	32
15 ごみ処理とリサイクル	
(1) 燃えるごみ	33
(2) 資源物	33
(3) 大型ごみ	33
(4) 市では引き取れないごみ	33
16 相談	
(1) 市民相談室	34
(2) 行政書士による入管問題無料相談会	34
(3) 熊本県外国人サポートセンター	34
(4) 警察署	34
17 大使館リスト	35

(7) Học tiếng Nhật	20
10. Các loại thuế	
(1) Thuế thu nhập	21
(2) Thuế cư trú	21
(3) Thuế tài sản cố định	21
(4) Thuế ô tô	22
(5) Thuế ô tô hạng nhẹ	22
(6) Thuế tiêu thụ	22
11. Sinh con và chăm sóc trẻ	
(1) Khi mang thai	23
(2) Sau khi sinh	23
(3) Dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho trẻ sơ sinh và tiêm chủng dự phòng	23
(4) Hạng mục khác	24
12. Giao thông	
(1) Cách sử dụng đường sắt	26
(2) Cách sử dụng xe buýt	26
(3) Cách sử dụng xe taxi	27
(4) Quy tắc giao thông	28
(5) Giấy phép lái xe	28
(6) Giấy phép lái xe quốc tế	28
(7) Chuyển đổi sang giấy phép lái xe Nhật Bản	28
13. Bưu điện/bưu kiện	
(1) Bưu điện	29
(2) Bưu kiện quốc tế	29
(3) EMS (chuyển phát nhanh quốc tế)	29
14. Đối với trường hợp khẩn cấp	
(1) Khi gặp tai nạn, trộm cắp	30
(2) Khi xảy ra hỏa hoạn	30
(3) Khi bị thương hoặc bị bệnh bất ngờ	31
(4) Chuẩn bị cho thảm họa thiên tai	31
(5) Khi gặp tai nạn giao thông	32
15. Xử lý và tái chế rác	
(1) Rác cháy được	33
(2) Rác tái chế	33
(3) Rác cỡ lớn	33
(4) Rác không được thu gom trong thành phố	33
16. Tư vấn	
(1) Phòng Tư vấn công dân	34
(2) Hội tư vấn viên pháp luật tư vấn miễn phí về vấn đề nhập cư	34
(3) Trung tâm Hỗ trợ người nước ngoài tỉnh Kumamoto	34
(4) Sở cảnh sát	34
17. Danh sách đại sứ quán	35

はじめに

ようこそ八代市へいらっしゃいました。

この生活ガイドブックは、初めて八代市に来られて言葉、生活習慣、文化の違いなどで何かと不安や戸惑いを感じておられる皆さんのために必要な情報をまとめています。

ここに掲載された内容についてさらに詳しく知りたい時には、各関係機関へ直接お問い合わせ下さい。この場合、英語など外国語の通じる係員がいることは少ないので、日本語がわかる友人・知人の手助けがあるとよいでしょう。

このガイドブックを十分に活用して、八代市でたくさんの良い思い出を作って下さい。皆さんからの情報、意見または提案がありましたら、市長公室国際課（4ページ参照）へお寄せ下さい。



Lời mở đầu

Chào mừng các bạn đến với thành phố Yatsushiro.

Cẩm nang sinh hoạt này tập hợp những thông tin hữu ích dành cho những bạn lần đầu đến thành phố Yatsushiro và cảm thấy lo lắng, bối rối do sự khác biệt về ngôn ngữ, thói quen sống, văn hóa, v.v...

Vui lòng liên hệ trực tiếp với các cơ quan có liên quan nếu bạn cần biết thêm chi tiết về nội dung được nêu trong tài liệu này. Trong trường hợp này, vì có ít nhân viên thông thạo ngoại ngữ ví dụ như tiếng Anh, v.v... nên có lẽ bạn sẽ cần sự hỗ trợ của bạn bè, người quen biết tiếng Nhật.

Bạn hãy tận dụng cuốn cẩm nang này và tạo thật nhiều kỷ niệm đẹp tại thành phố Yatsushiro nhé. Nếu bạn có ý kiến, đề xuất hoặc muốn đóng góp thông tin, vui lòng gửi đến Bộ phận Quốc tế, Văn phòng Thị trưởng (tham khảo trang 4).



1 八代市について

■概要

- ・八代市は、九州のほぼ中央に位置し、九州山地に源を發し滔々と114km流れて海に注ぐ球磨川の河口に臨み、西は不知火で有名な八代海を隔てて天草諸島と対しています。
- ・市域は東西50km、南北30km、面積は681.36km²。
- ・山地が占める東部は、泉町の国見岳を最高峰として、九州山地の脊梁地帯を形成しており、日本三急流の一つである球磨川や氷川がその山間を抜け出ると、左右に八代平野が広がっています。
- ・年平均気温16.7℃～17.9℃と比較的温暖で、年間降水量は1,700mm～2,900mmと豊富な雨量に恵まれています。
- ・歴史と伝統文化が今に息づく本市は、豊かな農業と活発な工業を併せ持ち、古くから交通の要衝として発展してきました。
- ・現在、九州の交通・流通の要であり、九州新幹線開通、そして八代港と韓国の釜山港とのコンテナ国際定期航路開設と海上においても熊本県第二の都市として国際的な流通拠点機能がますます高まっています。また、八代港は2017(H29)年に国際旅客船拠点形成港湾に指定され、人流のゲートウェイとしても発展を遂げており、熊本県の経済と産業の発展に大きく貢献しています。

■人口と世帯

人口 126,966人(男性59,008人、女性67,958人)
世帯数 56,419戸

■外国人登録数

2,594人(男性497人、女性2,097人)

(2019年9月30日現在)

■国際交流

- ・友好都市
1996年3月5日に中国広西壮族自治区の北海市と正式に友好都市を締結して以来、文化、教育、スポーツ、医療などの幅広い分野で様々な交流を展開し、相互理解と友好の絆を深めています。
- ・友好交流協定締結都市
2018年4月19日に台湾基隆市と正式に友好交流協定を締結し、相互理解と友好互恵を増進するため、交流を促進し、お互いの地域活性化に寄与することを目指しています。

1. Về thành phố Yatsushiro

■ Khái quát

- ・ Thành phố Yatsushiro nằm gần trung tâm Kyushu, giáp mặt với cửa sông Kuma - con sông có chiều dài 114 km bắt nguồn từ dãy núi Kyushu rồi đổ ra biển; phía tây thành phố là Quần đảo Amakusa, nằm giữa thành phố và quần đảo là biển Yatsushiro, nổi tiếng với hiện tượng quang học Shiranui.
- ・ Khu vực thành phố kéo dài 50 km từ đông sang tây, 30 km từ bắc xuống nam và có diện tích 681,36 km².
- ・ Khu vực phía đông có nhiều đồi núi, trong đó núi Kunimi-dake của thị trấn Izumi là đỉnh núi cao nhất, tất cả những đồi núi này tạo thành khu vực núi của dãy núi Kyushu, sông Hikawa và sông Kuma - một trong ba dòng sông chảy xiết của Nhật Bản len lỏi qua những khe núi và gặp đồng bằng Yatsushiro trải dài mênh mông.
- ・ Nhiệt độ trung bình năm tương đối ẩm áp ở mức 16,7°C ~ 17,9°C, được thiên nhiên ban tặng lượng mưa dồi dào với trung bình hằng năm khoảng 1.700 mm ~ 2.900 mm.
- ・ Thành phố này đến tận ngày nay vẫn còn mang đậm hơi thở lịch sử và văn hóa truyền thống, có nền nông nghiệp phong phú và nền công nghiệp năng động, từ thời xa xưa đã phát triển với vai trò là điểm giao thông chiến lược.
- ・ Hiện tại, thành phố là điểm chủ chốt trong giao thông và vận chuyển ở Kyushu, mở tuyến Kyushu Shinkansen, thành lập tuyến vận chuyển container định kỳ quốc tế giữa cảng Yatsushiro và cảng Busan Hàn Quốc, và cả ở trên biển, chức năng cơ sở vận chuyển quốc tế cũng đang tăng cao với vai trò là thành phố thứ hai của tỉnh Kumamoto. Ngoài ra vào năm 2017 (Heisei 29), cảng Yatsushiro được chỉ định là cảng cứ điểm cho tàu thuyền của du khách quốc tế đổ bộ, bên cạnh đó cảng còn phát triển trở thành cửa ngõ cho dòng người lui tới, đóng góp rất lớn cho sự phát triển kinh tế và công nghiệp của tỉnh Kumamoto.

■ Dân số và hộ gia đình

Dân số: 126.966 người (trong đó nam giới chiếm 59.008 người, nữ giới chiếm 67.958 người)
Số hộ gia đình: 56.419 hộ

■ Số người nước ngoài đăng ký

2.594 người (nam giới 497 người, nữ giới 2.097 người)

(Tính đến ngày 30/9/2019)

■ Giao lưu quốc tế

- ・ Thành phố kết nghĩa
Kể từ khi chính thức thành lập quan hệ thành phố kết nghĩa với thành phố Bắc Hải của Quảng Tây, Trung Quốc vào ngày 5/3/1996, thành phố đã mở rộng giao lưu trong nhiều lĩnh vực như văn hóa, giáo dục, thể thao, y tế, v.v..., thắt chặt sự hiểu biết và tình hữu nghị của đôi bên.
- ・ Thành phố thành lập mối quan hệ hữu nghị kết nghĩa
Vào ngày 19/4/2018, thành phố Yatsushiro đã chính thức thành lập quan hệ hữu nghị kết nghĩa với thành phố Cơ Long, Đài Loan và xúc tiến việc trao đổi nhằm gia tăng tình hữu nghị và sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai thành phố, hướng đến mục tiêu giúp đỡ nhau cùng kích thích sự phát triển của khu vực.

2 八代市役所の業務について

(1) 仮設庁舎（本庁）

八代市役所では、外国人の住民異動届をはじめ、皆さんの生活に必要な各種手続を行っています。住民異動届、出生届、死亡届、婚姻届、離婚届、印鑑登録、国民年金の加入、国民健康保険加入などの届出や各種証明書類の発行は、1階の関係各課で扱っています。また、日常生活やDV等に関する相談にも応じています（詳細は各項目を参照して下さい）。

住 所：〒866-8601 八代市松江城町1-25
 電 話：0965-33-4111（代表） FAX：0965-32-8944
 八代市ホームページ：<http://www.city.yatsushiro.lg.jp/>
 開庁時間：月曜日から金曜日 午前8時30分から午後5時15分まで
 （ただし、木曜日は窓口の業務時間を午後7時まで延長しています）

■「外国語通訳者」の配置

外国人の八代市役所仮設庁舎における事務手続上及び市民相談室利用時の日本語不安を解消するため、仮設庁舎東棟1階に外国語通訳者を置き、外国人にも利用しやすい環境づくりを目指していますので、ぜひご利用ください。

	月曜日	火曜日	水曜日	木曜日	金曜日
第一週		英語・タガログ語		中国語	
第二週					
第三週		英語・タガログ語		中国語	
第四週					
第五週					

期 間：1言語につき毎月2回ずつ。9:00～15:00（5時間/日、休憩時間除く）
 対応言語：英語、中国語、タガログ語

2. Về công việc của Tòa thị chính Yatsushiro

(1) Văn phòng Chính phủ tạm thời (trụ sở chính)

Tòa thị chính Yatsushiro thực hiện các thủ tục khác nhau cần thiết cho cuộc sống của mọi người, như thủ tục khai báo chuyển nơi lưu trú dành cho người nước ngoài.

Công việc phát hành các loại giấy chứng nhận và khai báo như khai báo chuyển nơi lưu trú, đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn, ly hôn, đăng ký con dấu, tham gia trợ cấp quốc gia hàng năm, tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc gia, v.v... được thực hiện tại các phòng ban liên quan ở tầng 1. Ngoài ra, ở đây còn tư vấn về cuộc sống hàng ngày và về vấn đề bạo hành gia đình (DV), v.v... (vui lòng tham khảo từng mục để biết chi tiết).

Địa chỉ: 1-25 Matsuejo-machi, Yatsushiro-shi, 866-8601
 Điện thoại: 0965-33-4111 (tổng đài) FAX: 0965-32-8944
 Trang chủ thành phố Yatsushiro: <http://www.city.yatsushiro.lg.jp/>
 Thời gian làm việc: Thứ hai đến thứ sáu, từ 8:30 AM đến 5:15 PM
 (Tuy nhiên, vào thứ năm, thời gian làm việc của các quầy là đến 7:00 PM)

■ Bố trí “Phiên dịch viên tiếng nước ngoài”

Tại tầng 1 khu Đông của Văn phòng Chính phủ tạm thời có bố trí các phiên dịch viên tiếng nước ngoài để giảm bớt nỗi lo về tiếng Nhật cho người nước ngoài khi sử dụng Phòng Tư vấn công dân và thực hiện các thủ tục hành chính tại Văn phòng Chính phủ tạm thời của Tòa thị chính Yatsushiro, với mục đích hướng đến tạo ra một môi trường mà cả người nước ngoài cũng có thể sử dụng dễ dàng, nên các bạn hãy tận dụng dịch vụ này nhé.

	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Tuần thứ nhất		Tiếng Anh, tiếng Tagalog		Tiếng Trung	
Tuần thứ hai					
Tuần thứ ba		Tiếng Anh, tiếng Tagalog		Tiếng Trung	
Tuần thứ tư					
Tuần thứ năm					

Thời gian: 1 ngôn ngữ mỗi tháng 2 lần. 9:00 ~ 15:00（5 giờ/ngày, không tính thời gian nghỉ giải lao）
 Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Tagalog

(2) 支所

5つの支所においても、住民異動届をはじめとした生活に必要な各種手続を行うことができます。また各種届出、各種証明書類の発行も扱っています。

開庁時間：月曜日から金曜日 午前8時30分から午後5時15分まで（各支所共通）

名 称	連 絡 先
坂本支所	住所：〒869-6105 八代市坂本町坂本4228-12 電話：0965-45-2211（代表） FAX：0965-45-2291
千丁支所	住所：〒869-4703 八代市千丁町新牟田1502-1 電話：0965-46-1101（代表） FAX：0965-46-2010
鏡支所	住所：〒869-4292 八代市鏡町内田453-1 電話：0965-52-1111（代表） FAX：0965-52-8123
東陽支所	住所：〒869-4301 八代市東陽町南1105-1 電話：0965-65-2111（代表） FAX：0965-65-3272
泉支所	住所：〒869-4401 八代市泉町柿迫3131 電話：0965-67-2111（代表） FAX：0965-67-2444

■市長公室国際課

国際課では、本市の国際化を推進し、友好都市等との交流及び在留外国人への行政サービス等の業務を行っています。また、当課では英語及び中国語での対応も可能ですので、もし何か分からないことや困ったことがあれば、お問い合わせください。

場 所：鏡支所2階

電 話：0965-33-6846（直通） FAX：0965-52-8123（代表）

メール：kokusai@city.yatsushiro.lg.jp

(2) Chi nhánh

Tại 5 văn phòng chi nhánh, bạn cũng có thể thực hiện các loại thủ tục cần thiết cho cuộc sống, như làm giấy khai báo chuyển nơi lưu trú. Ngoài ra tại đây còn phát hành các loại giấy chứng nhận, các loại giấy khai báo.

Thời gian làm việc: Thứ hai đến thứ sáu, từ 8:30 AM đến 5:15 PM (áp dụng chung cho các chi nhánh)

Tên chi nhánh	Thông tin liên hệ
Chi nhánh Sakamoto	Địa chỉ: 4228-12 Sakamoto, Sakamoto-machi, Yatsushiro-shi, 869-6105 Điện thoại: 0965-45-2211 (tổng đài) FAX: 0965-45-2291
Chi nhánh Sencho	Địa chỉ: 1502-1 Shinmuta, Sencho-machi, Yatsushiro-shi, 869-4703 Điện thoại: 0965-46-1101 (tổng đài) FAX: 0965-46-2010
Chi nhánh Kagami	Địa chỉ: 453-1 Uchida, Kagami-machi, Yatsushiro-shi, 869-4292 Điện thoại: 0965-52-1111 (tổng đài) FAX: 0965-52-8123
Chi nhánh Toyo	Địa chỉ: 1105-1 Minami, Toyo-machi, Yatsushiro-shi, 869-4301 Điện thoại: 0965-65-2111 (tổng đài) FAX: 0965-65-3272
Chi nhánh Izumi	Địa chỉ: 3131 Kakisako, Izumi-machi, Yatsushiro-shi, 869-4401 Điện thoại: 0965-67-2111 (tổng đài) FAX: 0965-67-2444

■ Bộ phận Quốc tế, Văn phòng Thị trường

Bộ phận Quốc tế thúc đẩy quốc tế hóa cho thành phố này, phụ trách các công việc như giao lưu với thành phố kết nghĩa, v.v... và dịch vụ hành chính, v.v... cho người nước ngoài lưu trú tại Nhật Bản. Ngoài ra, Bộ phận này còn hỗ trợ tiếng Anh và tiếng Trung, nên bạn hãy liên hệ nếu gặp vấn đề gì khó khăn hay không hiểu nhé.

Địa chỉ: Tầng 2 chi nhánh Kagami

Điện thoại: 0965-33-6846 (trực tiếp) FAX: 0965-52-8123 (tổng đài)

E-mail: kokusai@city.yatsushiro.lg.jp

3 住民基本台帳制度

2012年（平成24年）7月9日に外国人登録法が廃止され、新しい制度が始まりました。対象になる外国人住民の方は、日本人と同様に「住民基本台帳法」が適用になります。

これに伴い、住民票の写し等証明書の発行や住所の変更の届出、印鑑登録の手続等が、本庁市民課及び各支所地域振興課・市民環境課のどこでも出来るようになりました。

名 称	電話番号
仮設庁舎東棟1階 市民課	0965-33-4110（直通）
坂本支所 地域振興課	0965-45-2211（直通）
千丁支所 地域振興課	0965-46-1101（代表）
鏡支所 市民環境課	0965-52-1115（直通）
東陽支所 地域振興課	0965-65-2111（代表）
泉支所 地域振興課	0965-67-2111（直通）

■制度の対象となる方

(1)中長期在留者

適法な在留資格を有し、在留期間が3カ月を超える方になります。対象者には「在留カード」が交付されます。「在留カード」の交付及び更新申請は、「入国管理局」で行います。

(2)特別永住者

特別永住者の方には、「特別永住者証明書」が交付されます。「特別永住者証明書」の交付及び更新申請は、本庁市民課で行います。

(3)一時庇(ひ)護許可者または仮滞在許可者

(4)出生による経過滞在者または国籍喪失による経過滞在者

※出生をした日から60日までの間は在留資格を有することなく在留することができます。

なお、この期間を超えて在留される場合は、出生をした日から30日以内に、最寄りの入国管理庁で在留資格の取得申請を行う必要があります。

■引越しなどで住所が変更となったとき手続が必要です。

①他の市区町村への住所変更【転出届】

市外へ引っ越すときは、「転出」の届出をして転出証明書の交付を受け、引っ越してから14日以内に、新しい住所地の役所に転出証明書を持って「転入」の届出をしてください。

その際には「在留カード」または「特別永住者証明書」（在留カード等とみなされる「外国人登録証明書」）をお持ちください。

3. Chế độ Sổ tay trú dân

Vào ngày 9/7/2012 (Heisei 24), Luật Đăng ký người nước ngoài bị bãi bỏ, chế độ mới được bắt đầu. Đối tượng của chế độ này là công dân người nước ngoài, bắt đầu được áp dụng “Luật Đăng ký cư trú cơ bản” giống với người Nhật.

Với chế độ này, việc phát hành giấy chứng nhận như bản sao chứng nhận thường trú, v.v... và thủ tục đăng ký con dấu, khai báo thay đổi địa chỉ, v.v... có thể được thực hiện ở Bộ phận Công dân tại trụ sở chính và Bộ phận Phát triển khu vực, Bộ phận Môi trường công dân tại các chi nhánh.

Tên	Số điện thoại
Bộ phận Công dân, Tầng 1, khu Đông, Văn phòng Chính phủ tạm thời	0965-33-4110 (trực tiếp)
Bộ phận Phát triển khu vực, Chi nhánh Sakamoto	0965-45-2211 (trực tiếp)
Bộ phận Phát triển khu vực, Chi nhánh Sencho	0965-46-1101 (tổng đài)
Bộ phận Môi trường công dân, Chi nhánh Kagami	0965-52-1115 (trực tiếp)
Bộ phận Phát triển khu vực, Chi nhánh Toyo	0965-65-2111 (tổng đài)
Bộ phận Phát triển khu vực, Chi nhánh Izumi	0965-67-2111 (trực tiếp)

■ Phạm vi đối tượng áp dụng chế độ

(1) Người lưu trú trung và dài hạn

Là người có tư cách lưu trú hợp pháp và có thời gian lưu trú hơn 3 tháng. Người đủ điều kiện sẽ được cấp “Thẻ lưu trú”. Yêu cầu cấp hoặc gia hạn “Thẻ lưu trú” tại “Cục quản lý nhập cảnh”.

(2) Người vĩnh trú đặc biệt

Người vĩnh trú đặc biệt được cấp “Giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt”. Yêu cầu cấp hoặc gia hạn “Giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt” tại Bộ phận Công dân tại trụ sở chính.

(3) Người có giấy phép tị nạn tạm thời hoặc giấy phép lưu trú tạm thời

(4) Người lưu trú tạm thời với lý do là mới được sinh ra tại Nhật Bản hoặc người lưu trú tạm thời với lý do là mất quốc tịch Nhật Bản

* Trong khoảng thời gian từ ngày sinh ra đến 60 ngày, trẻ sơ sinh có thể ở lại Nhật Bản mà không cần có tư cách lưu trú.

Ngoài ra, trong trường hợp lưu trú tại Nhật Bản quá thời gian này, bạn phải nộp đơn xin tư cách lưu trú cho trẻ tại Cục Quản lý nhập cảnh gần nhất trong vòng 30 ngày kể từ ngày trẻ được sinh ra.

■ Bạn cần thực hiện thủ tục khi địa chỉ thay đổi do chuyển chỗ ở, v.v...

① Thay đổi chỗ ở đến thành phố, thị trấn, làng xã khác [Khai báo chuyển đi]

Khi chuyển chỗ ở ra khỏi thành phố, vui lòng khai báo “Chuyển đi” và nhận Giấy xác nhận chuyển đi, sau đó mang Giấy xác nhận chuyển đi đến Tòa thị chính ở nơi cư trú mới và thực hiện khai báo “Chuyển đến” trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển chỗ ở.

Khi đến vui lòng mang theo “Thẻ lưu trú” hoặc “Giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt” (“Giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài” được xem như Thẻ lưu trú, v.v...).

②市内での住所変更【転居届】

市内の新しい住所に引越しをしてから 14 日以内に、住所変更の届出をしてください。

その際には「在留カード」または「特別永住者証明書」（在留カード等とみなされる「外国人登録証明書」）をお持ちください。

③海外へ引っ越すとき【国外転出届】

1 年以上海外に行く予定がある場合は、「国外転出」の届出をしてください。

④海外から帰ってきたとき【国外転入届】

帰国後 14 日以内に「国外転入」の届出をしてください。

その際には旅券および「在留カード」または「特別永住者証明書」（在留カード等とみなされる「外国人登録証明書」）をお持ちください。

⑤海外から日本に初めて来たとき【国外転入届（新規）】

日本に来て新しい住所を市内に決めた場合には、14 日以内に住所の届出をしてください。

その際には入港時に空港で交付される在留カードと旅券が必要です。

◎届出に際し、世帯との続柄を証明する文書が必要な場合があります。

世帯主が外国人の場合、住所変更等の届出をする際に、「世帯主との続柄を証明する文書」の提出が必要な場合があります。その文書が日本語以外で記載されている場合には、日本語の訳文も必要となります。

■証明書（住民票の写し等）の交付

住所や世帯構成等、住民票の内容を証明する書類が必要なときは「住民票の写し」または「住民票記載事項証明書」を請求してください。

なお、住民票には、外国人登録原票に記載されていた 2012 年（平成 24 年）7 月 8 日以前の居住地の変更履歴や、氏名・国籍の変更履歴、上陸許可年月日などが記載されません。これらの情報が必要な場合は、ご本人が直接法務省に開示請求することになります。

開示請求の窓口	法務省大臣官房秘書課 個人情報保護係 電話 03-3580-4111
---------	---------------------------------------

■住民票が作成されない方は、印鑑登録ができません。

観光目的で短期滞在されている方等は、住民票が作成されません。そのため、印鑑登録をすることができません。

■「在留カード」や「特別永住者証明書」への切替えについて

○新しい制度では、外国人登録証明書に代わり「在留カード」が交付されます。「在留カード」の更新や再交付などの手続きは入国管理庁で行います。

○特別永住者には、外国人登録証明書に代わり「特別永住者証明書」が交付されます。特別永住者証明書の更新や再発行の手続きは本庁市民課で行います。

○外国人登録証明書をすでにお持ちの方は、2012 年（平成 24 年）7 月 9 日から一定期間は、同証明書が「在留カード」や「特別永住者証明書」とみなされますので、すぐに切り替える必要はありません。

② Thay đổi chỗ ở trong thành phố [Khai báo chuyển đi]

Vui lòng khai báo thay đổi chỗ ở trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển chỗ ở đến địa chỉ mới trong thành phố.

Khi đến vui lòng mang theo “Thẻ lưu trú” hoặc “Giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt” (“Giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài” được xem như Thẻ lưu trú, v.v...).

③ Khi chuyển chỗ ở sang nước ngoài [Khai báo chuyển đi nước ngoài]

Trường hợp có dự định ra nước ngoài từ 1 năm trở lên, vui lòng khai báo “Chuyển đi nước ngoài”.

④ Khi trở về Nhật Bản từ nước ngoài [Khai báo chuyển đến từ nước ngoài]

Vui lòng khai báo “Chuyển đến từ nước ngoài” trong vòng 14 ngày sau khi trở về Nhật Bản.

Khi đến vui lòng mang theo hộ chiếu và “Thẻ lưu trú” hoặc “Giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt” (“Giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài” được xem như Thẻ lưu trú, v.v...).

⑤ Khi từ nước ngoài lần đầu đến Nhật Bản [Khai báo chuyển đến từ nước ngoài (mới)]

Trường hợp đến Nhật Bản và đã quyết định chỗ ở mới trong thành phố, vui lòng khai báo chỗ ở trong vòng 14 ngày.

Khi đến, bạn cần mang theo hộ chiếu và Thẻ lưu trú được cấp tại sân bay khi nhập cảnh.

◎ Khi khai báo, có trường hợp bạn sẽ cần giấy tờ chứng minh mối quan hệ với hộ gia đình.

Nếu chủ hộ là người nước ngoài, có trường hợp bạn cần phải nộp “Giấy tờ chứng minh mối quan hệ với chủ hộ” khi khai báo thay đổi chỗ ở, v.v... Cần nộp thêm cả bản dịch tiếng Nhật nếu giấy tờ đó được viết bằng ngôn ngữ khác không phải tiếng Nhật.

■ Cấp giấy chứng nhận (bản sao chứng nhận thường trú, v.v...)

Trong trường hợp cần giấy tờ chứng minh nội dung trong Giấy thường trú khi thay đổi chỗ ở và thành phần hộ gia đình, v.v..., vui lòng yêu cầu cấp “Bản sao chứng nhận thường trú” hoặc “Giấy chứng nhận các mục trong Giấy thường trú”.

Tuy nhiên, Giấy thường trú không có những thông tin từ ngày 8/7/2012 (Heisei 24) trở về trước về lịch sử thay đổi nơi cư trú, lịch sử thay đổi họ tên/quốc tịch, ngày tháng năm cho phép nhập cảnh, v.v... được ghi trong bản gốc phiếu đăng ký người nước ngoài. Dương sự sẽ phải trực tiếp yêu cầu Bộ Tư pháp công khai trong trường hợp cần các thông tin này.

Quầy yêu cầu công khai	Thư ký Bộ trưởng Bộ Tư Pháp, Bộ phận thư ký, Ban Bảo mật thông tin cá nhân Điện thoại: 03-3580-4111
------------------------	---

■ Người chưa làm Giấy thường trú không thể đăng ký con dấu.

Người đang lưu trú ngắn hạn với mục đích tham quan, v.v... không thể làm Giấy thường trú. Vì thế đối tượng này không thể đăng ký con dấu.

■ Về việc chuyển đổi sang “Thẻ lưu trú” và “Giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt”

○ Theo chế độ mới, “Thẻ lưu trú” sẽ được cấp thay cho Giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài. Làm thủ tục gia hạn và cấp lại, v.v... “Thẻ lưu trú” tại Cục quản lý nhập cảnh.

○ Người vĩnh trú đặc biệt được cấp “Giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt” thay cho Giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài. Thủ tục gia hạn và cấp lại Giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt được thực hiện ở Bộ phận Công dân tại trụ sở chính.

○ Người đã có Giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài không cần thiết phải chuyển đổi ngay, vì giấy chứng nhận này được chấp nhận như là “Thẻ lưu trú” và “Giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt” trong khoảng thời gian nhất định từ ngày 9/7/2012 (Heisei 24)

■外国人登録証明書が在留カード等とみなされる期間

在留カードとみなされる期間	2012年（平成24年）7月9日に16歳未満の者	(1) 2015年（平成27年）7月8日、 (2) 在留期間の満了の日、 (3) 16歳の誕生日のいずれか早い日まで
	2012年（平成24年）7月9日に16歳以上かつ在留資格が永住者以外の者	在留期間の満了の日まで
	2012年（平成24年）7月9日に16歳以上かつ在留資格が永住者の者	2015年（平成27年）7月8日まで
特別永住者証明書とみなされる期間	2012年（平成24年）7月9日に16歳未満の者	16歳の誕生日まで
	2012年（平成24年）7月9日に16歳以上で、次回確認（切替）申請期間の始期が、施行時既に到来している者	2015年（平成27年）7月8日まで
	2012年（平成24年）7月9日に16歳以上かつ次回確認（切替）申請期間の始期が施行後3年を経過する日より後の者	次回確認（切替）申請期間の始期であるその者の誕生日まで

■在留カードの返納

(1) 出国するとき

出国する場合は（再入国許可がある場合を除く）は、在留カードを空港や港で返納してください。

(2) 外国人住民が死亡した時

外国人が死亡した場合は、14日以内に、当該中長期在留者の親族又は同居人の方に、当該在留カードを返納していただく必要があります。

(3) 帰化したとき・日本国籍を取得した場合

帰化したとき・日本国籍を取得した場合、当該在留カードを返納していただきます。

この場合、最寄りの地方入国管理庁に直接赴いて返納していただくか、次の事務所に郵送してください。

返納郵送先	東京入国管理庁おだいば分室 〒135-0064 東京都江東区青梅2-7-11 東京港湾合同庁舎9階
-------	---



■ Thời gian Giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài được chấp nhận như là Thẻ lưu trú, v.v...

Thời gian được chấp nhận như là Thẻ lưu trú	Người dưới 16 tuổi tại thời điểm ngày 9/7/2012 (Heisei 24)	Đến mốc thời gian nào sớm nhất trong số các ngày dưới đây: (1) Ngày 8/7/2015 (Heisei 27), (2) Ngày hết thời hạn lưu trú, (3) Ngày sinh nhật 16 tuổi
	Người từ 16 tuổi trở lên tại thời điểm ngày 9/7/2012 (Heisei 24) và có tư cách lưu trú không phải người vĩnh trú	Đến ngày hết thời hạn lưu trú
	Người từ 16 tuổi trở lên tại thời điểm ngày 9/7/2012 (Heisei 24) và có tư cách lưu trú là người vĩnh trú	Đến ngày 8/7/2015 (Heisei 27)
Thời gian được chấp nhận như là Giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt	Người dưới 16 tuổi tại thời điểm ngày 9/7/2012 (Heisei 24)	Đến ngày sinh nhật 16 tuổi
	Người từ 16 tuổi trở lên tại thời điểm ngày 9/7/2012 (Heisei 24) và thời gian bắt đầu của thời hạn yêu cầu xác nhận (chuyển đổi) lần sau đã đến thời điểm thi hành	Đến ngày 8/7/2015 (Heisei 27)
	Người từ 16 tuổi trở lên tại thời điểm ngày 9/7/2012 (Heisei 24) và thời gian bắt đầu của thời hạn yêu cầu xác nhận (chuyển đổi) lần sau đã vượt quá 3 năm kể từ thời điểm thi hành	Đến ngày sinh nhật của người đó, cũng chính là thời gian bắt đầu của thời hạn yêu cầu xác nhận (chuyển đổi) lần sau

■ Nộp lại Thẻ lưu trú

(1) Khi xuất cảnh

Trong trường hợp xuất cảnh (trừ trường hợp được cho phép tái nhập cảnh), vui lòng nộp lại Thẻ lưu trú tại sân bay hoặc cảng.

(2) Khi công dân người nước ngoài qua đời

Trong trường hợp người nước ngoài qua đời, người thân hoặc người sống cùng với người lưu trú trung và dài hạn đó cần phải nộp lại Thẻ lưu trú trong vòng 14 ngày.

(3) Trường hợp nhập quốc tịch, nhận quốc tịch Nhật Bản

Trong trường hợp người đó đã nhập quốc tịch, nhận quốc tịch Nhật Bản, cần nộp lại Thẻ lưu trú của người đó.

Trong trường hợp này, vui lòng trực tiếp đến Cục quản lý nhập cảnh địa phương gần nhất để nộp lại thẻ hoặc gửi đến văn phòng dưới đây theo đường bưu điện.

Địa chỉ nộp lại qua đường bưu điện	Văn phòng chi nhánh Odaiba, Cục Quản lý Nhập cảnh Tokyo Tầng 9 Tòa nhà Văn phòng Chính phủ phức hợp Cảng Tokyo 2-7-11 Aomi, Koto-ku, Tokyo, 135-0064
------------------------------------	--



■マイナンバー（個人番号）

マイナンバーは、住民票のある全ての人が持つ12桁の番号です。マイナンバーは、「社会保障・税・災害対策」の分野の中の法律や自治体の条例で定められた行政手続などで利用します。一生使うものなので、大切にしてください。

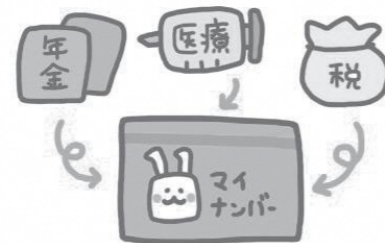
(1)通知カード

入国するなどして、新たに住民の登録をした人には、住民票の住所あてにマイナンバーをお知らせするための「通知カード」を同封した封筒が簡易書留（転送不要）で送られます。「通知カード」は住民登録の日から3～4週間後に届きます。届いたら無くさないよう大切に保管してください。

(2)マイナンバーカード（個人番号カード）

マイナンバーカードは、顔写真付きのプラスチック製のICカードで、公的な本人確認書類としても使用できます。また、e-Taxの確定申告やコンビニ交付サービスなどで利用できる電子証明書が標準搭載されます。

なお、このマイナンバーカードを希望する方は、「通知カード」に同封された申請書に必要事項を記入のうえ、顔写真を貼って申し込んでください。申し込んでから本庁市民課または各支所地域振興課・市民環境課で交付するまで約1か月かかります。



■ My number (Mã số cá nhân)

My number là một chuỗi số gồm 12 số mà tất cả những người sở hữu Giấy thường trú đều có. My number được sử dụng trong các thủ tục hành chính theo pháp luật và các quy định của chính quyền địa phương trong lĩnh vực “an sinh xã hội, thuế, phòng chống thiên tai”. Vì bạn sẽ sử dụng số này suốt đời, nên vui lòng gìn giữ cẩn thận.

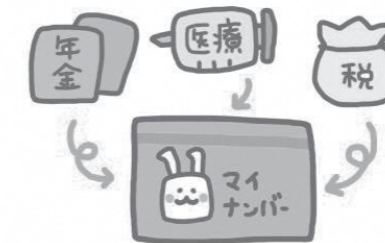
(1) Thẻ thông báo

Sau khi nhập cảnh, v.v..., những người mới đăng ký cư trú sẽ nhận thư bảo đảm (chuyển hoàn khi không gửi được) được gửi đến địa chỉ trong Giấy thường trú có đính kèm “Thẻ thông báo” để thông báo về My number. “Thẻ thông báo” sẽ được gửi đến sau 3 ~ 4 tuần kể từ ngày đăng ký cư trú. Sau khi đã nhận, vui lòng bảo quản cẩn thận để không bị mất.

(2) Thẻ My number (Thẻ mã số cá nhân)

Thẻ My number là thẻ IC bằng nhựa có dán ảnh chân dung, có thể được sử dụng như giấy tờ chứng minh nhân thân chính thức. Hơn nữa, thẻ còn mặc định tích hợp Chứng nhận điện tử, có thể dùng trong dịch vụ lấy các loại giấy chứng nhận tại cửa hàng tiện lợi, khai thuế e-Tax, v.v...

Ngoài ra, những ai muốn đăng ký Thẻ My number này, vui lòng điền đầy đủ các mục cần thiết trong đơn yêu cầu được gửi kèm với “Thẻ thông báo”, dán ảnh chân dung vào và đăng ký cấp thẻ. Sau khi đăng ký, bạn sẽ nhận được thẻ sau khoảng 1 tháng tại Bộ phận Công dân ở trụ sở chính hoặc tại Bộ phận Phát triển khu vực, Bộ phận Môi trường công dân ở các chi nhánh.



4 戸籍関係の届出

名 称	電 話
仮設庁舎東棟1階 市民課	0 9 6 5 - 3 3 - 4 1 1 0 (直通)
坂本支所 地域振興課	0 9 6 5 - 4 5 - 2 2 1 1 (直通)
千丁支所 地域振興課	0 9 6 5 - 4 6 - 1 1 0 1 (代表)
鏡支所 市民環境課	0 9 6 5 - 5 2 - 1 1 1 5 (直通)
東陽支所 地域振興課	0 9 6 5 - 6 5 - 2 1 1 1 (代表)
泉支所 地域振興課	0 9 6 5 - 6 7 - 2 1 1 1 (直通)

(1) 出生

日本国内で子が出生したときは、戸籍法の規定に基づき、出生子が日本国籍を取得するか否かにかかわらず出生届の提出が必要です。また、外国で日本人を父または母とする子が出生し、その子が出生によって日本国籍を取得するときも、出生届の提出が必要になります。

日本人と外国人の夫婦の子が外国で生まれた場合、出生子が外国人である親の国籍を取得したり、その国で生まれたものすべてに国籍を与える制度を採っている国で生まれたときは、その子は2つ以上の国籍を持つ重国籍者となります。その場合は、出生届と一緒に国籍留保の届出をしないとその子は生まれた時にさかのぼって日本の国籍を失ってしまいます。国籍留保の届出は、出生届をする時に、出生届書の「その他」欄に「日本の国籍を留保する」と記入して、署名・押印をすることによって行うことができます。

外国人夫婦の子や婚姻していない外国人母の子等で、出生子が日本国籍を取得しない場合、出生届の他に住民登録や、在留資格の取得も必要になります。その他に、本国政府にも報告が必要になります。本国政府への報告について詳しくは大使館又は領事館にお尋ねください。

届出期間：日本国内で出生したときは出生した日から14日以内、国外で出生したときは出生した日から3ヶ月以内（出生した日を含む）

届出人：父又は母、父母が婚姻関係にない場合は母

提出先：出生地又は住所地又は日本人の本籍地の市区町村役場

必要書類：出生届書（市区町村役場または病院に備えてあります。）

出生証明書（出産に立ち会った医師または助産師の証明を受けたもの、国外で出生し証明書が外国語で作成されているときは、翻訳者を明らかにした訳文も必要です）、
母子健康手帳、国民健康保険証（加入者のみ）



4. Khai báo quan hệ trong hộ tịch

Tên	Điện thoại
Bộ phận Công dân, Tầng 1, khu Đông, Văn phòng Chính phủ tạm thời	0965-33-4110 (trực tiếp)
Bộ phận Phát triển khu vực, Chi nhánh Sakamoto	0965-45-2211 (trực tiếp)
Bộ phận Phát triển khu vực, Chi nhánh Sencho	0965-46-1101 (tổng đài)
Bộ phận Môi trường công dân, Chi nhánh Kagami	0965-52-1115 (trực tiếp)
Bộ phận Phát triển khu vực, Chi nhánh Toyo	0965-65-2111 (tổng đài)
Bộ phận Phát triển khu vực, Chi nhánh Izumi	0965-67-2111 (trực tiếp)

(1) Sinh con

Theo quy định của Luật Hộ tịch, khi một đứa trẻ được sinh ra ở Nhật Bản, đứa trẻ đó phải cần đăng ký khai sinh bất kể có quốc tịch Nhật Bản hay không. Ngoài ra, đứa trẻ đó phải cần đăng ký khai sinh cả trong trường hợp được sinh ra ở nước ngoài, có cha hoặc mẹ là người Nhật Bản và muốn đứa trẻ có quốc tịch Nhật Bản.

Trong trường hợp con của một cặp vợ chồng người Nhật Bản và người nước ngoài được sinh ra ở nước ngoài, nếu đứa trẻ đó lấy quốc tịch của cha hoặc mẹ người nước ngoài, hoặc được sinh ra ở một quốc gia có chế độ cấp quốc tịch cho tất cả những người được sinh ra ở quốc gia đó, thì đứa trẻ đó sẽ là người đa quốc tịch có từ 2 quốc tịch trở lên. Trong trường hợp này, nếu không khai báo giữ lại quốc tịch cùng lúc với đăng ký khai sinh thì đứa trẻ đó sẽ mất quốc tịch Nhật Bản. Bạn có thể khai báo giữ lại quốc tịch bằng cách điền “Giữ lại quốc tịch Nhật Bản” vào mục “Khác” trong Giấy khai sinh khi đăng ký khai sinh, sau đó ký tên và đóng dấu.

Ngoài Giấy khai sinh, trẻ mới sinh còn cần được đăng ký cư trú và lấy tư cách lưu trú trong trường hợp không có quốc tịch Nhật Bản do là con của vợ chồng người nước ngoài hoặc là con của mẹ người nước ngoài chưa kết hôn, v.v... Ngoài ra còn cần phải báo cáo với Chính phủ thuộc quốc gia của mình. Vui lòng liên hệ với Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán để biết thêm chi tiết về việc báo cáo với Chính phủ thuộc quốc gia của mình.

Thời hạn khai báo: Trong vòng 14 ngày từ ngày sinh nếu sinh tại Nhật Bản, trong vòng 3 tháng từ ngày sinh nếu sinh tại nước ngoài (tính cả ngày trẻ được sinh ra)

Người khai báo: Cha hoặc mẹ, trường hợp cha mẹ không kết hôn thì mẹ là người khai báo

Nơi nộp: Tòa thị chính thành phố, thị trấn, làng xã tại nơi sinh trẻ, nơi cư trú hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của người Nhật

Giấy tờ cần thiết: Giấy khai sinh (được cấp tại bệnh viện hoặc tòa thị chính thành phố, thị trấn, làng xã.)

Giấy chứng sinh (nhận được từ bác sĩ hoặc y tá hộ sinh tham gia hỗ trợ khi sinh trẻ, trong trường hợp giấy chứng sinh viết bằng tiếng nước ngoài do sinh trẻ ở nước ngoài, cần nộp kèm bản dịch có người dịch cụ thể),

Sổ tay sức khỏe mẹ và bé, thẻ bảo hiểm sức khỏe quốc gia (chỉ nộp khi có tham gia)



(2) 死亡

日本国内に居住する外国人が、日本国内で死亡したときは、戸籍法の規定に基づいて死亡届の提出が必要になります。

届出期間：死亡の事実を知った日から7日以内

届出人：親族その他の同居者 家主、地主又は家屋若しくは土地の管理人

提出先：亡くなった方の住所地又は死亡地の市区町村役場

必要書類：死亡届書（市区町村役場または病院に備えてあります。）

死亡診断書又は死体検案書（死亡者を診察又は死体を検案した医師が作成したもの）

死亡届の他に、亡くなった方の在留カード等を返納していただく必要があります。

この場合、最寄りの地方入国管理庁に直接赴いて返納していただくか、次の事務所に郵送してください。

返納郵送先	東京入国管理庁おだいば分室 〒135-0064 東京都江東区青梅2-7-11 東京港湾合同庁舎9階
-------	---

また、本国政府にも報告の必要があります。本国政府への報告について、詳しくは大使館又は領事館にお尋ね下さい。

(2) Qua đời

Khi người nước ngoài sinh sống tại Nhật Bản qua đời tại Nhật Bản, cần nộp Giấy khai tử theo quy định của Luật Hộ tịch.

Thời hạn khai báo: Trong vòng 7 ngày từ ngày phát hiện qua đời

Người khai báo: Người thân và những người sống cùng khác; Chủ nhà, chủ đất, người quản lý căn nhà hoặc khu đất

Nơi nộp: Tòa thị chính thành phố, thị trấn, làng xã tại khu vực người đó qua đời hoặc tại nơi cư trú của người qua đời

Giấy tờ cần thiết: Tờ khai đăng ký khai tử (được cấp tại bệnh viện hoặc tòa thị chính thành phố, thị trấn, làng xã.)

Giấy chứng tử hoặc giấy khám nghiệm tử thi (đây là giấy chứng nhận được lập bởi bác sĩ kiểm tra người tử vong hoặc khám nghiệm tử thi)

Ngoài Giấy khai tử, người khai báo còn cần phải nộp lại Thẻ lưu trú, v.v... của người đã mất.

Trong trường hợp này, vui lòng trực tiếp đến Cục quản lý nhập cảnh địa phương gần nhất để nộp lại thẻ hoặc gửi thẻ đến văn phòng dưới đây theo đường bưu điện.

Địa chỉ nộp lại qua đường bưu điện	Văn phòng chi nhánh Odaiba, Cục Quản lý Nhập cảnh Tokyo Tầng 9 Tòa nhà Văn phòng Chính phủ phức hợp Cảng Tokyo 2-7-11 Aomi, Koto-ku, Tokyo, 135-0064
------------------------------------	--

Ngoài ra, người khai báo cũng cần phải báo cáo với Chính phủ thuộc quốc gia của người đã mất. Vui lòng liên hệ với Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán để biết thêm chi tiết về việc báo cáo với Chính phủ thuộc quốc gia của người đã mất.

(3) 婚姻

日本人と外国人又は外国人同士が日本の方式で婚姻しようとするときは、市区町村の戸籍届出窓口に婚姻の届出をし、両当事者に婚姻の要件が備わっていると認められ届出が受理されると、有効な婚姻が成立します。また、日本人と外国人が、外国でその国の定める婚姻の手続き（方式）をとり、法律上有効に婚姻が成立した場合は、日本人の戸籍に婚姻の事実を記載する必要があるため、婚姻届の提出が必要になります。

日本の方式で婚姻された外国人の方は、本国政府への報告も必要です。手続きの方法は大使館又は領事館へ確認してください。

■日本の方式で婚姻する場合

届出人：当事者双方

提出先：夫か妻どちらかの住所地又は日本人の本籍地の市区町村役場

必要書類：婚姻届（市区町村役場にあります。また、証人として成人2名の署名・押印が必要になります。）

婚姻要件具備証明書(外国人当事者の本国の権限を有する官憲が本国法上婚姻の成立に必要な要件を具備している旨を証明した書面)

外国人の国籍を証明する本国官憲発給の証明書(国籍証明書、出生証明書、パスポート等)

父母の同意書（当事者が未成年の場合のみ）

■外国の方式で婚姻した場合

届出期間：婚姻成立の日から3ヶ月以内

届出人：日本人当事者

提出先：夫か妻どちらかの住所地又は日本人の本籍地の市区町村役場

必要書類：婚姻届（市区町村役場にあります。この場合、証人は不要です。）

婚姻証書（外国の方式に従って作成された婚姻に関する証書の謄本）

外国人の国籍を証明する本国官憲発給の証明書(国籍証明書、出生証明書、パスポート等)

※婚姻要件具備証明書など、外国語で書かれた書類を提出する際には、そのすべてに日本語の訳文を付けてください。訳文の余白に翻訳日、翻訳者住所、翻訳者氏名、押印をお願いします。翻訳は、どなたがされても構いません。

※必要書類は各国で異なりますので、詳しくは市役所、大使館又は領事館に確認してください。



(3) Kết hôn

Khi người Nhật dự định kết hôn với người nước ngoài hoặc hai người nước ngoài dự định kết hôn với nhau theo hình thức Nhật Bản, hãy đến đăng ký kết hôn tại quầy khai báo hộ tịch thuộc thành phố, thị trấn, làng xã, nếu hai bên đều được công nhận đủ điều kiện kết hôn và được xử lý đăng ký kết hôn thì hôn nhân sẽ có hiệu lực. Ngoài ra, trong trường hợp người Nhật và người nước ngoài thực hiện thủ tục (hình thức) kết hôn theo quy định của quốc gia đó tại nước ngoài và hôn nhân có hiệu lực về mặt pháp lý, thì cần phải ghi thực tế tình trạng hôn nhân vào hộ khẩu của người Nhật và nộp giấy đăng ký kết hôn.

Người nước ngoài đã kết hôn theo hình thức Nhật Bản cũng cần phải báo cáo với Chính phủ thuộc quốc gia của mình. Vui lòng xác nhận cách thức làm thủ tục tại Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán.

■ Trường hợp kết hôn theo hình thức Nhật Bản

Người khai báo: Cả hai bên đương sự

Nơi nộp: Tòa thị chính thành phố, thị trấn, làng xã tại nơi cư trú của vợ/chồng hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của người Nhật

Giấy tờ cần thiết: Giấy đăng ký kết hôn (Có tại tòa thị chính thành phố, thị trấn, làng xã. Ngoài ra, cần có chữ ký và con dấu của 2 người làm chứng trưởng thành.)

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kết hôn (Giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền thuộc quốc gia của đương sự người nước ngoài chứng nhận rằng người đó có đủ điều kiện cần thiết để thiết lập hôn nhân theo luật pháp nước đó)

Giấy tờ chứng minh quốc tịch của người nước ngoài do Cơ quan Chính phủ thuộc quốc gia đó cấp (Giấy chứng nhận quốc tịch, giấy chứng sinh, hộ chiếu, v.v...)

Giấy đồng ý của cha mẹ (Chỉ trong trường hợp đương sự là trẻ vị thành niên)

■ Trường hợp kết hôn theo hình thức nước ngoài

Thời hạn khai báo: Trong vòng 3 tháng kể từ ngày hôn nhân có hiệu lực

Người khai báo: Đương sự người Nhật Bản

Nơi nộp: Tòa thị chính thành phố, thị trấn, làng xã tại nơi cư trú của vợ/chồng hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của người Nhật

Giấy tờ cần thiết: Giấy đăng ký kết hôn (Có tại tòa thị chính thành phố, thị trấn, làng xã. Trường hợp này không cần người làm chứng.)

Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao giấy chứng nhận liên quan đến hôn nhân được lập theo hình thức nước ngoài)

Giấy tờ chứng minh quốc tịch của người nước ngoài do Cơ quan Chính phủ thuộc quốc gia đó cấp (Giấy chứng nhận quốc tịch, giấy chứng sinh, hộ chiếu, v.v...)

* Vui lòng đính kèm bản dịch tiếng Nhật khi nộp tất cả các giấy tờ được viết bằng tiếng nước ngoài, chẳng hạn như Giấy chứng nhận đủ điều kiện kết hôn, v.v... Vui lòng ghi ngày dịch, địa chỉ người dịch, họ tên người dịch, đóng dấu vào phần để trống của bản dịch. Người dịch có thể là bất kỳ ai.

* Các loại giấy tờ cần thiết sẽ khác nhau tùy theo quốc gia, vì vậy bạn vui lòng xác nhận cụ thể tại Tòa thị chính, Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán.



(4) 離婚

離婚には当事者である夫婦の合意による「協議離婚」と、裁判所が関与して成立する「裁判離婚」の二通りがあり、日本人と外国人の夫婦又は外国人同士の夫婦が日本国内で離婚をする場合、どちらかの方法により離婚をすることができます。

「協議離婚」は、市区町村の戸籍届出窓口に離婚の届出をし、届出が受理されると離婚が成立しますが、夫婦に未成年の子がいる場合、親権者をどちらにするのかを決める必要があります。

「裁判離婚」は、調停・審判・和解・請求認諾・判決の5種類があり、調停・和解は成立日、判決・審判・請求認諾は確定日に効力が生じ、その後、市区町村の戸籍届出窓口に裁判離婚の届出をする手順になります。

離婚が成立した外国人の方は、本国政府への報告も必要です。手続きの方法は大使館又は領事館へ確認してください。

今回、案内した内容の例外として、国籍がともに韓国である夫婦が協議離婚をする場合は、日本の方式で協議離婚の届出をしたとしても韓国の法律では離婚の成立は認められず、必ず在日韓国大使館に協議離婚の申告をしないと韓国当局が離婚の成立を認めない取扱いになっていますのでご注意ください。詳しくは韓国の大使館又は領事館に確認してください。

■協議離婚

届出人：離婚しようとする当事者双方

提出先：夫か妻どちらかの住所地又は日本人の本籍地の市区町村役場

必要書類：離婚届（市区町村役場にあります。また、証人として成人2名の署名・押印が必要になります。）

外国人配偶者のパスポート及び在留カード等

夫婦関係を証明する書面（外国人夫婦のみ）

外国人夫婦の本国法が協議離婚の制度を設けていることが確認できる証明書（夫婦の双方が外国人で国籍が同じ場合のみ、ただし中国人夫婦は除く）

■裁判離婚

届出期間：調停・和解の成立日、判決・審判・請求認諾の確定日から10日以内

届出人：調停若しくは審判の申立人、又は訴えの提起者（期間を過ぎてもこれらの者が届出をしない時は、相手方も届出をすることができます。）

提出先：夫か妻どちらかの住所地又は日本人の本籍地の市区町村役場

必要書類：離婚届（市区町村役場にあります。この場合、証人は不要です。）

裁判所で離婚が成立したことを証する書面（調停・和解・請求認諾離婚のときは、調停・和解・請求認諾調書の謄本、審判・判決離婚のときは、審判・判決書の謄本と確定証明書）
外国人配偶者のパスポート及び在留カード等

※必要書類は各国で異なりますので、詳しくは市役所、大使館又は領事館に確認してください。

(4) Ly hôn

Ly hôn gồm hai loại là “Ly hôn thuận tình” dựa theo sự đồng thuận giữa hai bên vợ và chồng và “Ly hôn xét xử” thành lập với sự tham gia của tòa án; trường hợp vợ chồng là người Nhật và người nước ngoài hoặc vợ chồng cùng là người nước ngoài tiến hành ly hôn tại Nhật Bản, thì đều có thể tiến hành ly hôn theo một trong hai hình thức trên.

Đối với “Ly hôn thuận tình”, cần đến đăng ký ly hôn tại quầy khai báo hộ tịch thuộc thành phố, thị trấn, làng xã, ly hôn sẽ có hiệu lực sau khi đăng ký được xử lý, nhưng trong trường hợp vợ chồng có con là trẻ vị thành niên, cần phải quyết định ai là người có quyền nuôi con.

“Ly hôn xét xử” gồm 5 hình thức: điều đình, phân xử, hòa giải, phê chuẩn yêu cầu, phán quyết; điều đình và hòa giải có hiệu lực từ ngày thông qua và phán quyết, phân xử, phê chuẩn yêu cầu có hiệu lực từ ngày ra quyết định cuối cùng, sau đó là đến quầy khai báo hộ tịch thuộc thành phố, thị trấn, làng xã để khai báo ly hôn xét xử.

Người nước ngoài đã ly hôn cũng phải báo cáo với Chính phủ thuộc quốc gia của mình. Vui lòng xác nhận cách thức làm thủ tục tại Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán.

Trong hướng dẫn lần này có một ngoại lệ, đó là trong trường hợp hai vợ chồng cùng có quốc tịch Hàn Quốc tiến hành ly hôn thuận tình, mặc dù đã khai báo ly hôn thuận tình theo hình thức Nhật Bản thì cũng không được pháp luật Hàn Quốc thừa nhận việc ly hôn; hãy lưu ý rằng cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc sẽ không xử lý công nhận ly hôn nếu không báo cáo việc ly hôn thuận tình với Đại sứ quán Hàn Quốc tại Nhật Bản. Vui lòng xác nhận thông tin chi tiết tại Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Hàn Quốc.

■ Ly hôn thỏa thuận

Người khai báo: Cả hai bên đương sự có mong muốn ly hôn

Nơi nộp: Tòa thị chính thành phố, thị trấn, làng xã tại nơi cư trú của vợ/chồng hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của người Nhật

Giấy tờ cần thiết: Đơn ly hôn (Có tại tòa thị chính thành phố, thị trấn, làng xã. Ngoài ra, cần có chữ ký và con dấu của 2 người làm chứng trường thành.)

Hộ chiếu và Thẻ lưu trú, v.v... của vợ/chồng người nước ngoài

Giấy tờ chứng minh quan hệ vợ chồng (chỉ đối với vợ chồng là người nước ngoài)

Giấy chứng nhận có thể xác nhận luật pháp tại quốc gia của vợ chồng người nước ngoài có chế độ ly hôn thuận tình

(Chỉ trong trường hợp cả hai vợ chồng đều là người nước ngoài và có cùng quốc tịch, tuy nhiên ngoại trừ trường hợp hai vợ chồng là người Trung Quốc)

■ Ly hôn xét xử

Thời hạn khai báo: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định điều đình, hòa giải và kể từ ngày ra quyết định cuối cùng về phán quyết, phân xử, phê chuẩn yêu cầu

Người khai báo: Người đệ đơn yêu cầu điều đình hoặc phân xử, hoặc người nộp đơn kháng cáo (Nếu quá thời hạn mà người này vẫn không khai báo thì bên còn lại có thể khai báo.)

Nơi nộp: Tòa thị chính thành phố, thị trấn, làng xã tại nơi cư trú của vợ/chồng hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của người Nhật

Giấy tờ cần thiết: Đơn ly hôn (Có tại tòa thị chính thành phố, thị trấn, làng xã. Trường hợp này không cần người làm chứng.)

Giấy chứng nhận đã ly hôn tại tòa án (Bản sao của biên bản điều đình, hòa giải, phê chuẩn yêu cầu nếu ly hôn theo hình thức điều đình, hòa giải, phê chuẩn yêu cầu; bản sao và giấy chứng nhận quyết định cuối cùng của bản phân xử, bản phán quyết khi ly hôn theo hình thức phân xử, phán quyết)

Hộ chiếu và Thẻ lưu trú, v.v... của vợ/chồng người nước ngoài

* Các loại giấy tờ cần thiết sẽ khác nhau tùy theo quốc gia, vì vậy bạn vui lòng xác nhận cụ thể tại Tòa thị chính, Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán.

5 在留手続き

外国籍を持つ人（外国人）が日本に入国するとき、1人ひとりについて在留資格と在留期間が決められ、その資格と期間はパスポートに表示されます。

在留資格以外の活動をするときや、在留期間をこえて滞在するときは、手続きが必要です。もし、これらに反したときは、処罰もしくは強制退去させられることがあります。

（1）在留資格

日本に入国するとき、入国目的や在留目的に応じて与えられる資格です。全部で29種類あり、外国人はこの資格の範囲内で活動することができます。

（2）在留期間

それぞれの在留資格ごとに、在留できる期間が定められています。外国人はその在留期間内に限って、日本に滞在することができます。在留期間をこえて、日本に滞在することはできません。

（3）「みなし再入国許可」制度

有効な旅券及び在留カードを所持する外国人が、出国する際、出国後1年以内に本邦での活動を継続するため再入国する場合は、原則として再入国許可を受ける必要がなくなります(この制度を「みなし再入国」といいます)。出国する際に、必ず在留カードを提示してください。

みなし再入国許可により出国した方は、その有効期間を海外で延長することはできません。出国後1年以内に再入国しないと在留資格が失われることとなりますので、注意してください。

（4）申請の必要なことから

次の場合は入国管理庁への許可申請が必要になります。必要書類などの詳細は入国管理庁にお尋ねください。

■在留期間の更新

在留期間を更新したいときは、在留期間が満了する前に、所轄の入国管理庁に申請して許可を受ける必要があります。申請手続きは有料です。申請したあと、入国管理庁で審査が行われます。後日、更新の許可・不許可の通知が、本人に届きます。在留期間の更新は、法務大臣が更新を適当と認める相当の理由があると判断した場合に許可されます。

■在留資格の変更

現在持っている在留資格を変更したいときは、所轄の入国管理庁に申請して許可を受けることが必要です。申請手続きは有料です。

例：留学生が卒業して企業に就職し、引き続き日本で生活するとき
日本人と結婚したときなど

■在留資格の取得

日本で生まれ、日本国籍を持たない赤ちゃんが日本に在留する場合は、生まれた日から30日以内に所轄の入国管理局に申請して、在留資格取得の手続きをする必要があります。ただし、60日以内に出国する場合は、必要ありません。パスポートを未取得の場合でも申請してください。

例：外国人夫婦に子どもが生まれたときなど

■資格外活動許可

現在有している在留資格に属さない収入を伴う活動をするときは、所轄の入国管理庁に申請して許可を受けることが必要です。

例：留学生がアルバイトするときなど

5. Thủ tục lưu trú

Khi người có quốc tịch nước ngoài(người nước ngoài) nhập cảnh vào Nhật Bản, tư cách lưu trú và thời hạn lưu trú sẽ được quy định cho mỗi 1 người, tư cách và thời hạn lưu trú được thể hiện trên hộ chiếu.

Bạn cần phải làm thủ tục khi thực hiện hoạt động không thuộc tư cách lưu trú và khi lưu trú tại Nhật Bản vượt quá thời hạn lưu trú. Nếu vi phạm những điều trên, bạn có thể sẽ bị xử phạt hoặc cưỡng chế trục xuất.

(1) Tư cách lưu trú

Là tư cách được cấp tương ứng với mục đích nhập cảnh và mục đích lưu trú khi nhập cảnh vào Nhật Bản. Có tất cả 29 loại tư cách lưu trú, người nước ngoài có thể hoạt động trong phạm vi tư cách này.

(2) Thời hạn lưu trú

Mỗi tư cách lưu trú đều quy định thời hạn có thể lưu trú. Người nước ngoài chỉ có thể lưu lại Nhật Bản trong thời hạn lưu trú này. Khi vượt quá thời hạn lưu trú, người nước ngoài không thể ở lại Nhật Bản.

(3) Chế độ “Cho phép tái nhập cảnh không cần cấp phép”

Về nguyên tắc, trường hợp người nước ngoài có hộ chiếu và thẻ lưu trú còn hiệu lực, khi xuất cảnh và tái nhập cảnh để tiếp tục hoạt động tại Nhật Bản trong vòng 1 năm sau khi xuất cảnh, thì không cần xin giấy phép tái nhập cảnh (Chế độ này được gọi là “Tái nhập cảnh không cần cấp phép”). Vui lòng xuất trình thẻ lưu trú khi xuất cảnh.

Người đã xuất cảnh theo chế độ tái nhập cảnh không cần cấp phép không thể gia hạn thời hạn hiệu lực này khi ở nước ngoài. Hãy lưu ý rằng nếu không tái nhập cảnh trong vòng 1 năm sau khi xuất cảnh thì sẽ bị mất tư cách lưu trú.

(4) Trường hợp cần nộp đơn yêu cầu

Những trường hợp sau đây cần phải nộp đơn yêu cầu cấp phép đến Cục quản lý nhập cảnh. Chi tiết các loại giấy tờ cần thiết, v.v... vui lòng liên hệ Cục quản lý nhập cảnh.

■ Gia hạn thời hạn lưu trú

Khi bạn muốn gia hạn thời hạn lưu trú, bạn cần nộp đơn yêu cầu cho Cục quản lý nhập cảnh để được cấp phép trước khi hết thời hạn lưu trú. Thủ tục làm đơn yêu cầu có tính phí. Sau khi làm đơn yêu cầu, Cục quản lý nhập cảnh sẽ tiến hành kiểm tra. Sau đó, người làm đơn sẽ nhận được thông báo về việc có được gia hạn lưu trú hay không. Trong trường hợp Bộ trưởng Bộ Tư pháp đánh giá rằng có lý do tương ứng có thể xác nhận việc gia hạn là phù hợp thì bạn sẽ được gia hạn thời hạn lưu trú.

■ Thay đổi tư cách lưu trú

Khi muốn thay đổi tư cách lưu trú hiện tại, bạn cần phải nộp đơn yêu cầu cho Cục quản lý nhập cảnh có thẩm quyền để được cấp phép. Thủ tục làm đơn yêu cầu có tính phí.

Ví dụ: Khi du học sinh sau khi tốt nghiệp vào công ty làm việc và tiếp tục sinh sống tại Nhật Bản

Khi kết hôn với người Nhật, v.v...

■ Xin tư cách lưu trú

Trong trường hợp đứa trẻ được sinh ra tại Nhật Bản, không có quốc tịch Nhật Bản nhưng lưu trú tại Nhật Bản, thì phải gửi đơn yêu cầu cho Cục quản lý nhập cảnh có thẩm quyền trong vòng 30 ngày kể từ ngày trẻ được sinh ra để làm thủ tục xin tư cách lưu trú. Tuy nhiên, nếu sẽ xuất cảnh trong vòng 60 ngày thì không cần phải làm đơn yêu cầu. Vui lòng nộp đơn yêu cầu ngay cả trong trường hợp không có hộ chiếu.

Ví dụ: Khi trẻ em được sinh ra tại Nhật Bản nhưng bố mẹ là người nước ngoài, v.v...

■ Cấp phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú

Khi thực hiện hoạt động có thu nhập không thuộc tư cách lưu trú hiện tại, bạn cần phải nộp đơn yêu cầu cho Cục quản lý nhập cảnh có thẩm quyền để được cấp phép.

Ví dụ: Khi du học sinh đi làm thêm, v.v

■永住許可

永住許可を受けると、外国の国籍のまま日本にずっと住むことができます。永住許可を受けたいときは、所轄の入国管理庁にお問い合わせください。

名 称	住所・電話
福岡入国管理庁熊本出張所	〒862-0971 熊本市中央区大江3-1-53 第二合同庁舎 4F 電 話：096-362-1721 FAX：096-363-5431
福岡入国管理庁	〒810-0073 福岡県福岡市中央区舞鶴3-5-25 福岡第1法務総合庁舎 電 話：092-717-5420 (代表)
外国人在留総合インフォメーションセンター	全国共通電話番号 (平日午前8:30~午後5:15) 0570-013904 メール：info-tokyo@i.moj.go.jp

(5) 帰化

帰化とは、外国人が、現在の国籍を離れて、日本の国籍を取ることです。帰化するためには、法務大臣の許可を得る必要がありますので、所轄の地方法務局にお問い合わせください。

名前は、漢字、ひらがな、カタカナで登録する事になります。

(6) 国籍選択

外国籍と、日本国籍の2つの国籍をもつ人(重国籍者)は、22歳になるまでに、どちらか一方の国籍を選択する必要があります。

20歳になったあとに重国籍になった場合は、重国籍になったときから2年以内に、どちらか一方の国籍を選択する必要があります。

熊本地方法務局八代支局	住 所：〒866-0863 八代市西松江城町11-11 電 話：0965-32-2654 (日本語の自動音声により案内します)
-------------	---

法務省ホームページ：http://www.moj.go.jp/

■ Cấp phép vĩnh trú

Nếu được cấp phép vĩnh trú, bạn có thể sống trọn đời tại Nhật Bản với quốc tịch nước ngoài. Vui lòng liên hệ Cục quản lý nhập cảnh có thẩm quyền nếu muốn được cấp phép vĩnh trú.

Tên cơ quan	Địa chỉ/Điện thoại
Văn phòng chi nhánh Kumamoto, Cục quản lý nhập cảnh Fukuoka	Tầng 4, Tòa nhà Văn phòng Chính phủ phức hợp số hai, 3-1-53 Oe, Chuo-ku, Kumamoto-shi, 862-0971 Điện thoại: 096-362-1721 FAX: 096-363-5431
Cục quản lý nhập cảnh Fukuoka	Văn phòng Chính phủ tổng hợp pháp vụ Fukuoka số 1 3-5-25 Maizuru, Chuo-ku, Fukuoka-shi, Fukuoka-ken, 810-0073 Điện thoại: 092-717-5420 (Tổng đài)
Trung tâm thông tin tổng hợp về lưu trú dành cho người nước ngoài	Số điện thoại chung trên toàn quốc (Ngày thường: 8:30 AM ~ 17:15 PM) 0570-013904 E-mail: info-tokyo@i.moj.go.jp

(5) Nhập quốc tịch

Nhập quốc tịch có nghĩa là người nước ngoài sẽ từ bỏ quốc tịch hiện tại và nhận quốc tịch Nhật Bản. Để nhập quốc tịch, cần có sự cho phép của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, vì vậy hãy liên hệ với Sở Tư pháp địa phương có thẩm quyền

Họ tên sẽ được đăng ký bằng Kanji, Hiragana, Katakana.

(6) Chọn quốc tịch

Người có 2 quốc tịch bao gồm quốc tịch nước ngoài và quốc tịch Nhật Bản (người đa quốc tịch) cần phải chọn cho mình một quốc tịch trước khi đủ 22 tuổi.

Trong trường hợp người đa quốc tịch từ sau 20 tuổi thì cần phải chọn một quốc tịch trong vòng 2 năm kể từ khi mang nhiều quốc tịch.

Sở Tư pháp địa phương Kumamoto, Chi nhánh Yatsushiro	Địa chỉ: 11-11 Nishi Matsuejo-machi, Yatsushiro-shi, 866-0863 Điện thoại: 0965-32-2654 (Hướng dẫn thông qua hệ thống tương tác trả lời tự động bằng tiếng Nhật)
--	---

Trang chủ của Bộ Tư pháp: http://www.moj.go.jp/

6 住宅を探す

住宅を借りようとする場合、民間と市営の住宅があります。

(1) 民間の住宅

民間の借家やアパートを探すときは、不動産屋を利用すると便利です。希望する家賃、広さ、交通手段などを言うと、希望にあった借家やアパートを紹介してくれます。また、住宅情報誌にも最新の物件が掲載されています。家を借りるときには、家賃のほかに家主に払う敷金、不動産屋へ払う仲介料などが必要です。これらを合計すると、家賃の4～6か月分ぐらいになります。契約する時は、原則として保証人が必要です。

(2) 市営住宅

市内には市営住宅があります。入居の際には、収入制限や八代市に住民登録をさせていただくなどの条件がありますので、詳しくは下記までお問合せください。

名 称	電 話
仮設庁舎西棟2階 建築住宅課住宅係	0965-33-4122
坂本支所 建設地域事務所	0965-45-2290
千丁支所 建設地域事務所	0965-46-1104
鏡支所 建設地域事務所	0965-52-7820
東陽支所 建設地域事務所	0965-65-2115
泉支所 建設地域事務所	0965-67-2115



6. Tìm kiếm nhà ở

Nếu bạn có ý định thuê nhà ở thì có hai loại là nhà ở tư nhân và nhà ở của thành phố.

(1) Nhà ở tư nhân

Sử dụng dịch vụ công ty bất động sản để tìm kiếm căn hộ và nhà cho thuê tư nhân sẽ tiện lợi cho bạn hơn. Nếu bạn nói với công ty bất động sản mong muốn của bạn về tiền thuê, kích thước, phương tiện giao thông, v.v... thì công ty sẽ giới thiệu cho bạn nhà cho thuê và căn hộ phù hợp với nguyện vọng của bạn. Ngoài ra, các công trình mới nhất cũng sẽ được đăng tải trên tạp chí thông tin nhà ở. Khi thuê nhà, ngoài tiền thuê nhà, bạn còn phải trả tiền đặt cọc cho chủ nhà, trả phí môi giới cho công ty bất động sản, v.v... Tổng cộng những khoản tiền này sẽ tương đương với khoảng 4 ~ 6 tháng tiền thuê nhà. Về nguyên tắc, khi ký hợp đồng thuê nhà, bạn cần phải có người làm chứng.

(2) Nhà ở của thành phố

Trong thành phố có nhà ở của thành phố. Khi bạn chuyển đến sống tại thành phố Yatsushiro, sẽ có những điều kiện như hạn chế thu nhập và đăng ký cư trú, v.v... nên hãy liên hệ theo thông tin ghi dưới đây để biết thêm chi tiết.

Tên cơ quan	Điện thoại
Ban Nhà ở, Bộ phận Kiến trúc và nhà ở Tầng 2, khu Tây, Văn phòng Chính phủ tạm thời	0965-33-4122
Văn phòng khu vực xây dựng, Chi nhánh Sakamoto	0965-45-2290
Văn phòng khu vực xây dựng, Chi nhánh Sencho	0965-46-1104
Văn phòng khu vực xây dựng, Chi nhánh Kagami	0965-52-7820
Văn phòng khu vực xây dựng, Chi nhánh Toyo	0965-65-2115
Văn phòng khu vực xây dựng, Chi nhánh Izumi	0965-67-2115



7 医療・福祉

(1) 医療機関

身体の具合が悪くなり常備薬が効かないときには、医師の診察を受けることをお勧めします。医療機関である病院には、多くの診療科目を持つ病院と、1ないし2～3の診療科目だけを扱う病院があります。受付時間と診察時間は病院によって異なります。初診の場合、通常、歯科を除き予約の必要はありません。医療機関で受診するには、健康保険証とお金が必要です。

(2) 健康保険

日本には、健康保険の制度があります。これは、だれもが加入することを義務付けられている制度です。健康保険に加入していれば、病気やけがをした時には、実際にかかった治療費用の一部負担ですみます。

職場の健康保険：被保険者と事業主の両者の支払いにより成り立っている保険です。詳しくは勤務先へ尋ねてください。

国民健康保険：職場の健康保険に加入していない人で3カ月を超えて日本に滞在する人は全員、国民健康保険に加入しなければいけません。加入後、必ず納入期限までに保険料を納めてください。

後期高齢者医療保険：75歳以上の方が対象者となります。加入後、必ず納入期限までに保険料を納めてください。※65歳以上で一定の障害がある方も加入できる場合があります。

仮設庁舎西棟1階 国保ねんきん課 (23～25番窓口)	電話：0965-33-4113 (国民健康保険) 0965-33-4490 (後期高齢者医療)
-----------------------------------	--



7. Y tế, phúc lợi

(1) Cơ quan y tế

Khi tình trạng cơ thể của bạn tệ đến mức các loại thuốc thông thường không có tác dụng thì bạn nên đến gặp bác sĩ để được thăm khám. Đối với cơ quan y tế là bệnh viện, thì có hai loại là bệnh viện có nhiều khoa điều trị và bệnh viện chỉ có 1 hoặc 2 ~ 3 khoa điều trị. Thời gian tiếp nhận và thời gian khám bệnh sẽ khác nhau tùy theo từng bệnh viện. Thông thường, đối với lần khám đầu tiên, bạn sẽ không cần phải hẹn trước, ngoại trừ nha khoa. Khi khám bệnh tại cơ quan y tế, bạn cần mang theo thẻ bảo hiểm sức khỏe và tiền.

(2) Bảo hiểm sức khỏe

Nhật Bản có chế độ bảo hiểm sức khỏe. Đây là chế độ mà tất cả mọi người đều có nghĩa vụ tham gia. Nếu tham gia bảo hiểm sức khỏe, thì khi bị bệnh hoặc bị thương bạn chỉ phải chi trả một phần chi phí điều trị thực tế.

Bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc: Bảo hiểm được thành lập dựa trên việc chi trả bảo hiểm của cả hai bên là người được hưởng bảo hiểm và chủ doanh nghiệp. Để biết thêm chi tiết, vui lòng hỏi tại nơi làm việc.

Bảo hiểm sức khỏe quốc gia: Tất cả những người chưa tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc và lưu trú tại Nhật Bản vượt quá 3 tháng đều phải tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc gia. Sau khi tham gia bảo hiểm, hãy đảm bảo nộp thuế bảo hiểm trước khi đến kỳ hạn thanh toán.

Bảo hiểm y tế người cao tuổi giai đoạn sau: Đối tượng là những người từ 75 tuổi trở lên. Sau khi tham gia bảo hiểm, hãy đảm bảo nộp phí bảo hiểm trước khi đến kỳ hạn thanh toán. * Những người từ 65 tuổi trở lên có khuyết tật ở một mức độ nhất định cũng có thể tham gia bảo hiểm này.

Bộ phận Trợ cấp hàng năm và Bảo hiểm quốc gia Tầng 1, khu Tây, Văn phòng Chính phủ tạm thời (Quầy số 23 ~ 25)	Điện thoại: 0965-33-4113 (Bảo hiểm sức khỏe quốc gia) 0965-33-4490 (Bảo hiểm y tế người cao tuổi giai đoạn sau)
---	--



(3) 介護保険

高齢者のみなさんが、介護が必要になっても、できる限り住み慣れた自宅で、自立した生活ができるよう、必要な福祉サービス、医療サービスを総合的に受けられるようにする制度です。

本市に住所を有する40歳以上の外国人のみなさんが、介護サービスを利用するためには、要介護認定を受ける必要があります。介護保険は、原則として40歳以上のすべての方が保険料を納めていただくことになります。また、介護サービスを利用したときは、サービス費用の1割又は3割を払うことになります。

※外国人の被保険者資格の取得要件（原則）

住民基本台帳法の適用対象者（3ヶ月を超えて滞在し、住所を有する者）。また、滞在期間が3ヶ月以下であっても、資料等により3ヶ月を超えて滞在を認められた者。

仮設庁舎西棟1階 長寿支援課	電 話：0965-32-1175
-------------------	------------------

(4) 年金

年金制度とは、納付された保険料によって、老後や万一の障害・死亡の場合に、本人や家族の生活の安定を図る制度です。年金には、厚生年金、共済年金及び国民年金があります。

日本に住んでいる20歳以上60歳未満で、厚生年金・共済年金に加入していない人は、国民年金に加入しなければなりません。そして、老齢年金を受給するためには、保険料を取めた期間や保険料の免除を受けた期間の合計が10年以上必要となります。ただし、保険料を納めることが困難なときは、保険料の納付が免除される場合があります。

仮設庁舎西棟1階 国保ねんきん課（26番窓口）	電 話：0965-33-4105
----------------------------	------------------

(5) ドメスティックバイオレンス（DV）

配偶者やパートナーからの暴力をドメスティックバイオレンス(DV)と言います。配偶者とは男性、女性を問いません。事実婚や元配偶者（離婚前に暴力を受け、離婚後も引き続き暴力を受ける場合）も含まれます。また、暴力とは、身体的暴力に限らず、精神的、経済的、性的等、あらゆる形の暴力が含まれます。

配偶者からの暴力でお悩みの方は、一人で悩まずご相談ください。それぞれの事情に応じた支援を行います。また緊急の場合や被害が深刻な場合は、最寄りの警察署にご相談ください。

名 称	電 話
仮設庁舎東棟1階 子ども未来課	0965-33-8721
仮設庁舎東棟1階 市民相談室	0965-33-4452
八代警察署	0965-33-0110

(3) Bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng

Đây là chế độ bao gồm dịch vụ phúc lợi, dịch vụ y tế toàn diện dành cho tất cả người cao tuổi có thể sinh hoạt độc lập tại ngôi nhà quen thuộc của mình trong thời gian lâu nhất có thể, ngay cả khi họ cần sự chăm sóc điều dưỡng.

Tất cả người nước ngoài từ 40 tuổi trở lên có địa chỉ tại thành phố Yatsushiro phải có chứng nhận cần chăm sóc để có thể sử dụng dịch vụ chăm sóc điều dưỡng này. Theo nguyên tắc, tất cả những người từ 40 tuổi trở lên đều phải đóng phí bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng. Ngoài ra, bạn sẽ phải trả 10% hoặc 30% phí dịch vụ khi sử dụng dịch vụ chăm sóc điều dưỡng.

* Điều kiện cần thiết để người nước ngoài xin tư cách người được hưởng bảo hiểm (Nguyên tắc)

Người được áp dụng Luật đăng ký cư trú cơ bản (Người có địa chỉ và lưu trú tại Nhật Bản vượt quá 3 tháng)

Ngoài ra, còn bao gồm người được xác nhận trên tài liệu, v.v... là lưu trú tại Nhật Bản vượt quá 3 tháng mặc dù người đó có thời gian lưu trú từ 3 tháng trở xuống.

Bộ phận Hỗ trợ trường thọ Tầng 1, khu Tây, Văn phòng Chính phủ tạm thời	Điện thoại: 0965-32-1175
--	--------------------------

(4) Trợ cấp hàng năm

Chế độ trợ cấp hàng năm là chế độ nhằm ổn định cuộc sống của người tham gia bảo hiểm và gia đình bằng phí bảo hiểm đã nộp, trong trường hợp tuổi già, không may bị thương tật hoặc tử vong. Trợ cấp hàng năm bao gồm trợ cấp phúc lợi hàng năm, trợ cấp tương trợ hàng năm và trợ cấp quốc gia hàng năm.

Những người sống tại Nhật Bản từ 20 tuổi trở lên đến dưới 60 tuổi mà không tham gia trợ cấp phúc lợi hàng năm, trợ cấp tương trợ hàng năm thì sẽ phải tham gia trợ cấp quốc gia hàng năm. Thêm vào đó, để nhận được trợ cấp hưu trí hàng năm, tổng thời gian đóng bảo hiểm và tổng thời gian được miễn giảm phí bảo hiểm phải từ 10 năm trở lên. Tuy nhiên, trường hợp gặp khó khăn trong việc đóng phí bảo hiểm cũng có thể được miễn giảm phí bảo hiểm.

Bộ phận Trợ cấp hàng năm và Bảo hiểm quốc gia Tầng 1, khu Tây, Văn phòng Chính phủ tạm thời	Điện thoại: 0965-33-4105
--	--------------------------

(5) Bạo hành gia đình (DV)

Hành vi bạo lực từ người hôn phối và bạn đời được gọi là bạo hành gia đình (DV). Người hôn phối không phân biệt là nam hay nữ. Người hôn phối cũng bao gồm người đang sống với nhau như vợ chồng và người đã từng là vợ chồng (Trường hợp bị bạo lực trước khi ly hôn và vẫn tiếp tục bị bạo lực sau khi ly hôn). Ngoài ra, bạo lực bao gồm tất cả các hình thức bạo lực, không chỉ bạo lực về thể xác mà còn bạo lực về tinh thần, về kinh tế, về tình dục, v.v...

Những người đang phiền não về bạo lực từ người hôn phối, đừng lo lắng một mình mà hãy thảo luận với chúng tôi. Tùy theo từng tình huống mà chúng tôi sẽ có hỗ trợ tương ứng. Ngoài ra, trong trường hợp khẩn cấp hoặc bị thiệt hại nghiêm trọng, hãy liên hệ với sở cảnh sát gần nhất.

Tên cơ quan	Điện thoại
Bộ phận Vì tương lai trẻ em, Tầng 1, khu Đông, Văn phòng Chính phủ tạm thời	0965-33-8721
Phòng Tư vấn công dân, Tầng 1, khu Đông, Văn phòng Chính phủ tạm thời	0965-33-4452
Sở cảnh sát Yatsushiro	0965-33-0110

8 労働

(1) 仕事

日本では、労働者を、国籍、信条などによって、賃金、労働時間などの面において、差別することは禁じられています。日本で働いている外国人労働者は、会社あるいは職場において、日本人の労働者と同様の法律上の権利を与えられています。

労働に関する法律や働く上で知っておく必要のある制度について、自ら知り、理解することが大切です。

(2) 日本で就労するには

就労が可能な在留資格を持っており、仕事の内容が、その在留資格で認められた活動であることが必要です。

(3) 日本で仕事を探すには

国の機関である公共職業安定所を利用するか(利用は無料)、厚生労働大臣の許可を受けて職業紹介事業をしている民間の事業所や団体を利用することができます(利用は有料または無料)。

■公共職業安定所（ハローワーク）

職業相談や職業紹介を、無料でおこなう国の機関です。公共職業安定所はコンピュータシステムで結ばれ、全国の求人データをどこからでも検索し、その場で情報提供や職業紹介ができるようになっています。

八代公共職業安定所	住所：〒866-0853 八代市清水町2-9-4 電話：0965-31-8609
-----------	---

(4) トラブル

あなたが働いていく上で、さまざまなトラブルに遭うことがあります。たとえば、賃金の未払いや仕事の内容が違った、あるいはセクハラやいじめを受けた、などのトラブルに遭ったときは、ただちに厚生労働省の労働基準監督署に、日本語のわかる人を介して相談しましょう。

八代労働基準監督署	住所：〒866-0852 八代市大手町2丁目3-1-1 電話：0965-32-3151
-----------	--

(5) パートタイマー

パートタイマーとは一般的に、勤務時間が通常の労働者よりも短い労働者のことをいいます。パートタイマーにも、労働関係の法律が、通常の労働者と同じように適用されます。労働保険、社会保険についても、仕事の上で負傷したり病気になったときは、労災保険の給付が受けられます。雇用保険や健康保険なども、一定の要件を満たせば、被保険者になることができます。

8. Lao động

(1) Công việc

Các hành vi phân biệt đối xử với người lao động về tiền lương, thời gian làm việc, v.v... theo quốc tịch, tín ngưỡng, v.v... bị nghiêm cấm tại Nhật Bản. Người lao động là người nước ngoài đang làm việc tại Nhật Bản đều được hưởng các quyền lợi về mặt luật pháp giống như người lao động là người Nhật Bản khi làm việc tại công ty hoặc nơi làm việc.

Điều quan trọng là bạn tự tìm hiểu và nắm rõ về luật pháp liên quan đến lao động và các chế độ mà bạn cần biết khi làm việc.

(2) Làm việc tại Nhật Bản

Bạn cần có tư cách lưu trú cho phép làm việc và nội dung công việc phải là hoạt động được chấp nhận với tư cách lưu trú đó.

(3) Tìm kiếm việc làm tại Nhật Bản

Bạn có thể sử dụng Văn phòng đảm bảo việc làm công cộng (sử dụng miễn phí) là một tổ chức quốc gia, hoặc cũng có thể sử dụng văn phòng và tổ chức tư nhân giới thiệu việc làm có giấy phép của Bộ trưởng Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Xã hội Nhật Bản (sử dụng miễn phí hoặc có phí).

■ Văn phòng đảm bảo việc làm công cộng (Hello Work)

Đây là một tổ chức quốc gia thực hiện miễn phí các buổi tư vấn việc làm và giới thiệu việc làm. Văn phòng đảm bảo việc làm công cộng được kết nối bằng một hệ thống máy tính, có thể tìm kiếm các dữ liệu tuyển dụng trên toàn quốc từ bất cứ đâu, có thể cung cấp thông tin và giới thiệu việc làm ngay lập tức.

Văn phòng đảm bảo việc làm công cộng Yatsushiro	Địa chỉ: 2-94 Shimizu-machi, Yatsushiro-shi, 866-0853 Điện thoại: 0965-31-8609
---	---

(4) Các vấn đề

Bạn có thể gặp các vấn đề khác nhau trong quá trình làm việc. Ví dụ, khi bạn gặp các vấn đề như chưa được trả tiền lương, nội dung công việc khác với thỏa thuận hoặc bị quấy rối tình dục hay bị bắt nạt, v.v... hãy trao đổi ngay với Văn phòng Giám sát Tiêu chuẩn Lao động thuộc Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản thông qua người biết tiếng Nhật.

Văn phòng Giám sát Tiêu chuẩn Lao động Yatsushiro	Địa chỉ: 2-3-11 Otemachi, Yatsushiro-shi, 866-0852 Điện thoại: 0965-32-3151
---	--

(5) Người lao động bán thời gian

Người lao động bán thời gian nói chung là người lao động có thời gian làm việc ngắn hơn so với người lao động bình thường. Luật về lao động được áp dụng cho người lao động bán thời gian giống với người lao động bình thường.

Đối với bảo hiểm lao động và bảo hiểm xã hội cũng vậy, nếu bạn bị thương hoặc bị bệnh tại nơi làm việc, bạn có thể nhận được bảo hiểm tai nạn lao động. Cũng tương tự với bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế, v.v... nếu thỏa mãn các yêu cầu nhất định, bạn có thể được hưởng các loại bảo hiểm đó.

9 教育

(1) 保育園等への入園

保護者が就労している場合など、家庭内で子どもを保育ができないときは、保育園等に入園することができます。子どもの対象年齢は、小学校に入る前の0歳から5歳までです。保護者等の前年の課税状況に応じた保育料などの費用が必要です。(3歳から5歳までの子どもと、住民税非課税世帯の0歳から2歳までの子どもは保育料が無料です。)

仮設庁舎東棟 1階 こども未来課 (8番窓口)	電 話 : 0 9 6 5 - 3 3 - 8 7 2 1
----------------------------	-------------------------------

(2) 幼稚園

小学校に入る前の3歳から5歳までの子どもを対象に、幼児期にふさわしい生活を通して、たくましく心豊かに育つよう教育を行います。公立幼稚園の場合、どの幼稚園も保育料は無料で、その他給食費等で月約5千円程度かかります。私立幼稚園の場合、それぞれの幼稚園で費用が違います。

千丁支所 2階 教育委員会学校教育課	電 話 : 0 9 6 5 - 3 0 - 1 6 7 3
--------------------	-------------------------------

(3) 小・中学校

日本では小学校(6歳から11歳までの6年間)及び中学校(12歳から14歳までの3年間)は、義務教育です。教育委員会が指定する、本人が居住している校区にある小学校・中学校に、原則として通うことになります。

千丁支所 2階 教育委員会学校教育課	電 話 : 0 9 6 5 - 3 0 - 1 6 7 3
--------------------	-------------------------------

(4) 高等学校

高等学校は、中学校を卒業した生徒のための学校です。入学するためには、試験を受ける必要があります。推薦入学制度がある高等学校もあります。日本の中学校を卒業していなくても、同じ程度の学力があると認められれば、入学試験を受けることができます。

高等学校の種類はたくさんあります。授業の内容で、普通科と専門学科(工業科、商業科、農業科、外国語科など)と、総合学科に分かれます。授業を受ける時間によって、全日制(昼間)、定時制、通信制に分かれます。また、外国人のために特別枠を設けている高等学校もあります。

9. Giáo dục

(1) Gửi trẻ vào nhà trẻ

Khi bạn không thể chăm sóc trẻ ở nhà, chẳng hạn như trường hợp phụ huynh/người giám hộ đi làm thì bạn có thể cho trẻ vào nhà trẻ, v.v... Đối tượng là trẻ ở độ tuổi từ 0 đến 5 tuổi trước khi vào tiểu học. Cần phải đóng các loại phí chẳng hạn như phí giữ trẻ được quy định dựa trên tình hình nộp thuế năm trước của phụ huynh/người giám hộ, v.v... (trẻ từ 3 đến 5 tuổi và trẻ từ 0 đến 2 tuổi của các hộ gia đình được miễn thuế cư trú thì được miễn đóng phí giữ trẻ).

Tầng 1, khu Đông, Văn phòng Chính phủ tạm thời Bộ phận Vì tương lai trẻ em (quầy số 8)	Điện thoại: 0965-33-8721
---	--------------------------

(2) Trường mẫu giáo

Đối với trẻ từ 3 đến 5 tuổi – trước khi vào tiểu học, chúng tôi sẽ cung cấp chương trình giáo dục giúp trẻ phát triển một cách mạnh mẽ và có tâm hồn phong phú thông qua cuộc sống phù hợp với tuổi ấu thơ. Với trường hợp là trường mẫu giáo công lập thì bất kỳ trường mẫu giáo nào cũng miễn phí giữ trẻ, còn các chi phí khác như phí bữa ăn tại trường, v.v... là khoảng 5.000 yên mỗi tháng. Với trường hợp là trường mẫu giáo tư thục thì chi phí sẽ khác nhau tùy theo từng trường mẫu giáo.

Bộ phận Giáo dục Trường học, Ủy ban Giáo dục Tầng 2 Chi nhánh Sencho	Điện thoại: 0965-30-1673
---	--------------------------

(3) Trường tiểu học - trung học cơ sở

Tại Nhật Bản, cấp tiểu học (6 năm từ 6 tuổi đến 11 tuổi) và trung học cơ sở (3 năm từ 12 tuổi đến 14 tuổi) là giáo dục bắt buộc. Về nguyên tắc, các em sẽ theo học tại các trường tiểu học và trung học cơ sở nằm trong khu vực trường học nơi các em cư trú, theo chỉ định của Ủy ban Giáo dục.

Bộ phận Giáo dục Trường học, Ủy ban Giáo dục Tầng 2 Chi nhánh Sencho	Điện thoại: 0965-30-1673
---	--------------------------

(4) Trường trung học phổ thông

Trường trung học phổ thông là trường dành cho học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở. Để nhập học, bạn cần tham dự kỳ thi tuyển. Một số trường trung học phổ thông có chế độ nhập học tiến cử. Ngay cả khi bạn chưa tốt nghiệp trung học cơ sở tại Nhật Bản, nhưng nếu được công nhận là có trình độ học vấn tương đương, thì vẫn có thể tham dự kỳ thi tuyển đầu vào.

Có nhiều loại trường trung học phổ thông. Dựa vào nội dung của buổi học mà được phân thành khoa phổ thông, khoa chuyên ngành (khoa công nghiệp, khoa thương mại, khoa nông nghiệp, khoa ngoại ngữ, v.v...) và khoa tổng hợp. Tùy thuộc vào thời gian bạn tham gia buổi học mà được phân chia thành hệ đào tạo toàn thời gian (học ban ngày), hệ đào tạo bán thời gian và hệ đào tạo từ xa. Ngoài ra, cũng có một số trường trung học phổ thông thiết kế hệ thống đặc biệt dành cho người nước ngoài.

(5) 大学・短大

高等学校を卒業した生徒のための学校として、大学と短大があります。大学や短大に入学するためには、入学試験を受ける必要があります。

日本の中学校や高等学校を卒業していなくても、同じ程度の学力があると認められれば、入学試験を受けることができます。また、外国人のための特別枠を設けている大学や短大もあります。

(6) 図書館

八代市在住の在留カードをおもちの方は、図書館の利用カードをつくることができます。図書館では、子ども向けのおはなし会やイベントを行っており、英語などの外国語で書かれた絵本や一般書も借りることができます。

八代市立図書館本館	電 話：0965-32-3385
八代市立図書館せんちょう分館	電 話：0965-46-1901
八代市立図書館かがみ分館	電 話：0965-52-5567



(7) 日本語を学ぶ

日本語を理解することで、職場・地域社会でのコミュニケーションがよりスムーズになります。自分の能力や目的に合った学校や日本語講座などを見つけることが大切です。県内の日本語学校や市内のボランティア団体等による日本語講座に関する詳しい情報は、国際課(4ページ参照)にお問い合わせください。

(5) Trường đại học - cao đẳng

Có những trường đại học và cao đẳng đóng vai trò là trường dành cho học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông. Để nhập học vào trường đại học hoặc cao đẳng, bạn cần tham dự kỳ thi tuyển đầu vào.

Ngay cả khi bạn chưa tốt nghiệp trung học cơ sở hay trung học phổ thông ở Nhật Bản, nhưng nếu được công nhận là có trình độ học vấn tương đương, thì bạn vẫn có thể tham dự kỳ thi tuyển đầu vào. Ngoài ra còn có các trường đại học và cao đẳng thiết kế hệ thống đặc biệt dành cho người nước ngoài.

(6) Thư viện

Người có Thẻ lưu trú chứng minh đang cư trú tại thành phố Yatsushiro, có thể làm thẻ sử dụng thư viện. Ở thư viện có tổ chức các buổi nói chuyện và sự kiện dành cho trẻ em và bạn có thể mượn sách tranh và sách nói chung được viết bằng tiếng nước ngoài như tiếng Anh, v.v...

Thư viện công lập thành phố Yatsushiro – Thư viện chính	Điện thoại: 0965-32-3385
Thư viện công lập thành phố Yatsushiro – Chi nhánh Sencho	Điện thoại: 0965-46-1901
Thư viện công lập thành phố Yatsushiro – Chi nhánh Kagami	Điện thoại: 0965-52-5567



(7) Học tiếng Nhật

Nếu hiểu được tiếng Nhật thì việc giao tiếp tại nơi làm việc và cộng đồng địa phương sẽ thuận lợi hơn. Điều quan trọng là tìm trường học hoặc khóa học tiếng Nhật phù hợp với khả năng và mục đích của bạn. Vui lòng liên hệ với Bộ phận Quan hệ Quốc tế (xem trang 4) để biết thêm thông tin chi tiết về các khóa học tiếng Nhật của các nhóm tình nguyện trong thành phố và các trường dạy tiếng Nhật trong tỉnh.

10 税金

税金は、どこに納めるかによって、国税と地方税に分けることができ、現在、日本には国税と地方税を合わせて約50種類の税金があります。

(1) 所得税

所得税とは、その年の1月から12月までの個人の所得に対して、国が課する税金です。会社などに勤めている人の所得税は、通常、毎月の給料から自動的に引かれます。自営業者などで所得税がかかるような人は、原則として、2月16日から3月15日までに所得税の確定申告書を住所地の税務署に提出する必要があります。

会社などに勤めている人には、その年の1月から12月までの給与支払い額や所得税などが記載された源泉徴収票が、翌年の1月までに、事業主から交付されますので、大切に保管してください。

八代税務署	住所：〒866-8605 八代市花園町16-2 電話：0965-32-3141 (日本語の自動音声により案内します)
-------	--

(2) 住民税

住民税とは、前年の所得に対して、都道府県市区町村が課する税金です。これは、1月1日現在に、その市区町村に住所を有する人に課税されます。給与所得者の場合、所得税と同様に毎月の給料から自動的に引かれます。住民税が給料から自動的に引かれない人は、八代市から納付書が郵送されますので、指定された納期限までに、銀行などの金融機関で納付することになります。

仮設庁舎西棟1階 市民税課(22番窓口)	電話：0965-33-4107
-------------------------	-----------------

(3) 固定資産税

固定資産税は、1月1日現在、八代市内に土地・家屋及び償却資産(事業用の機械や設備など)を所有している個人又は法人に課税されます。また、償却資産を所有している人は、毎年1月1日現在における資産の状況などを1月31日までに市役所(資産税課)に申告していただく必要があります。納付書は八代市から郵送されますので、指定された納期限までに、銀行などの金融機関で納付することになります。

仮設庁舎西棟1階 資産税課(15番窓口)	電話：0965-33-4108
-------------------------	-----------------

10. Các loại thuế

Thuế có thể được chia thành thuế quốc gia và thuế địa phương tùy thuộc vào nơi nộp. Hiện tại, nếu tính tổng các loại thuế trong thuế quốc gia và thuế địa phương thì ở Nhật Bản có khoảng 50 loại thuế.

(1) Thuế thu nhập

Thuế thu nhập là thuế do quốc gia ấn định đối với thu nhập cá nhân từ tháng 1 đến tháng 12 trong năm hiện hành. Thuế thu nhập của người làm việc cho công ty, v.v... thường được tự động khấu trừ từ tiền lương hàng tháng. Theo nguyên tắc, người tự kinh doanh, v.v... khi đóng thuế thu nhập cần phải nộp tờ khai xác định thuế thu nhập cho cơ quan thuế tại nơi cư trú từ ngày 16 tháng 2 đến ngày 15 tháng 3.

Người làm việc cho công ty sẽ được chủ doanh nghiệp cấp cho tờ Phiếu khấu trừ tại nguồn có ghi các khoản thanh toán tiền lương và thuế thu nhập, v.v... tính từ tháng 1 đến tháng 12 trong năm hiện hành chậm nhất là vào tháng 1 năm sau, nên hãy giữ gìn tờ phiếu này cẩn thận.

Cơ quan thuế Yatsushiro	Địa chỉ: 16-2 Hanazono-cho, Yatsushiro-shi, 866-8605 Điện thoại: 0965-32-3141 (Hướng dẫn thông qua hệ thống tương tác trả lời tự động bằng tiếng Nhật)
-------------------------	--

(2) Thuế cư trú

Thuế cư trú là loại thuế do tỉnh, thành phố hoặc thị trấn, làng xã ấn định đối với thu nhập của năm trước. Thuế này được ấn định cho người có địa chỉ cư trú tại thị trấn, làng xã đó tính đến thời điểm ngày 1 tháng 1. Đối với nhân viên làm công ăn lương, thuế này sẽ được tự động khấu trừ từ tiền lương hàng tháng, tương tự như thuế thu nhập. Với những người mà thuế cư trú không được tự động khấu trừ từ tiền lương, sau khi nhận Giấy báo thanh toán được gửi qua đường bưu điện từ thành phố Yatsushiro thì sẽ nộp thuế thông qua các tổ chức tài chính chẳng hạn như ngân hàng, v.v... trước kỳ hạn nộp thuế được chỉ định.

Bộ phận Thuế thị dân (quầy số 22) Tầng 1, khu Tây, Văn phòng Chính phủ tạm thời	Điện thoại: 0965-33-4107
--	--------------------------

(3) Thuế tài sản cố định

Thuế tài sản cố định được ấn định cho cá nhân hoặc pháp nhân sở hữu đất đai, nhà cửa và tài sản có thể khấu hao (như máy móc và thiết bị dùng trong thương mại, v.v...) tại thành phố Yatsushiro tính đến ngày 1 tháng 1. Ngoài ra, người sở hữu tài sản có thể khấu hao cần khai báo tình hình tài sản, v.v... tính đến ngày 1 tháng 1 hàng năm cho Tòa thị chính (Bộ phận Thuế tài sản) trước ngày 31 tháng 1. Sau khi có Giấy báo thanh toán được gửi qua đường bưu điện từ thành phố Yatsushiro thì phải nộp thuế thông qua các tổ chức tài chính như ngân hàng, v.v... trước kỳ hạn nộp thuế được chỉ định.

Bộ phận Thuế tài sản (quầy số 15) Tầng 1, khu Tây, Văn phòng Chính phủ tạm thời	Điện thoại: 0965-33-4108
--	--------------------------

(4) 自動車税

自動車税は、毎年、4月1日時点（賦課期日）の所有者に対して課税されます。賦課期日後に自動車を購入又は廃車した場合には、月割の税額で課税されます。納付書は熊本県から郵送されますので、指定された納期限までに、銀行などの金融機関で納付することになります。

熊本県南広域本部 (八代地域振興局) 収税課	住所：〒866-0811 八代市西片町1660 電話：0965-33-2184
---------------------------	--



(5) 軽自動車税

軽自動車税は、毎年、4月1日時点（賦課期日）で、原動機付自転車（バイク）や軽自動車（四輪）などの所有者に対して課税されます。軽自動車税は、賦課期日後に軽自動車を購入又は廃車しても、自動車税と異なり、月割課税や月割還付の制度はありません。

納付書は八代市から郵送されますので、指定された納期限までに、銀行などの金融機関で納付することになります。

仮設庁舎西棟1階 市民税課（21番窓口）	電話：0965-33-4107
-------------------------	-----------------

(6) 消費税

消費税は、国内で行われるほとんどすべての取引（商品やサービスなど）を対象として、取引の段階ごとに10%の税率で課税される税金です。

八代税務署	住所：〒866-8605 八代市花園町16-2 電話：0965-32-3141 (日本語の自動音声により案内します)
-------	--

(4) Thuế ô tô

Thuế ô tô được ấn định cho các chủ sở hữu tính đến ngày 1 tháng 4 (ngày đến hạn quyết toán thuế) hàng năm. Nếu bạn mua hoặc xử lý xe ô tô sau ngày đến hạn quyết toán thuế, thì đóng thuế hàng tháng. Sau khi có Giấy báo thanh toán được gửi qua đường bưu điện từ tỉnh Kumamoto thì phải nộp thuế thông qua các tổ chức tài chính như ngân hàng, v.v... trước kỳ hạn nộp thuế được chỉ định.

Trụ sở khu vực phía nam Tỉnh Kumamoto Bộ phận thu thuế (Cục phát triển khu vực Yatsushiro)	Địa chỉ: 1660 Nishikata-machi, Yatsushiro-shi, 866-0811 Điện thoại: 0965-33-2184
---	---



(5) Thuế ô tô hạng nhẹ

Thuế ô tô hạng nhẹ được ấn định cho chủ sở hữu xe phân khối nhỏ (xe máy) và xe hạng nhẹ (xe bốn bánh), v.v... tính đến ngày 1 tháng 4 (ngày đến hạn quyết toán thuế) hàng năm. Khác với thuế ô tô, thuế ô tô hạng nhẹ không có chế độ đóng thuế hàng tháng hay hoàn trả hàng tháng ngay cả khi bạn mua hoặc xử lý xe ô tô hạng nhẹ sau ngày đến hạn quyết toán thuế.

Sau khi có Giấy báo thanh toán được gửi qua đường bưu điện từ thành phố Yatsushiro thì phải nộp thuế thông qua các tổ chức tài chính như ngân hàng, v.v... trước kỳ hạn nộp thuế được chỉ định.

Bộ phận Thuế thị dân (quầy số 21) Tầng 1, khu Tây, Văn phòng Chính phủ tạm thời	Điện thoại: 0965-33-4107
--	--------------------------

(6) Thuế tiêu thụ

Thuế tiêu thụ là loại thuế được ấn định cho hầu hết tất cả các giao dịch mua bán được thực hiện trong nước (sản phẩm, dịch vụ, v.v...), với mức thuế suất 10% ở mỗi giai đoạn giao dịch.

Cơ quan thuế Yatsushiro	Địa chỉ: 16-2 Hanazono-cho, Yatsushiro-shi, 866-8605 Điện thoại: 0965-32-3141 (Hướng dẫn thông qua hệ thống tương tác trả lời tự động bằng tiếng Nhật)
-------------------------	--

1.1 出産・育児

(1) 妊娠したとき

妊娠に気づいたら、まず医療機関を受診し、出産予定日がわかった時点で妊娠の届出を行ってください。届出時に、妊娠・出産及び育児に関する一貫した健康記録ができる母子健康手帳（外国語版）や妊婦健康診査受診票が交付されます。また、妊婦自身が安心して出産できるよう保健師等からアドバイスを受けることができます。

健康推進課（保健センター）	住所：〒866-0072 八代市高下西町1726-5 電話：0965-32-7200
---------------	---



(2) 出産したとき

出産後、2週間以内に出生届出を市民課または各支所で行ってください。産後、自分自身の健康や子育てに困ったときなどはいつでも保健センターの保健師にご相談ください。

仮設庁舎東棟1階 市民課	電話：0965-33-4110
健康推進課（保健センター）	住所：〒866-0072 八代市高下西町1726-5 電話：0965-32-7200

(3) 乳幼児保健サービス・予防接種

■各種乳幼児健康診査

子どもさんの成長の節目に健康診査（身体測定・診察・保健相談・栄養相談・歯科相談等）を行っています。満4ヵ月頃、満7ヶ月頃、満1歳7ヵ月頃、満3歳4ヵ月頃に個人通知でお知らせします。その他、2歳児歯科健診も行っています。

■各種育児相談

赤ちゃん広場や離乳食教室などの育児教室や母子個別相談を開催しています。子どもさんの成長の過程で心配なことや育児のことで困ったことが生じたら、ひとりで悩まずにいつでも、お気軽にご相談ください。

11. Sinh con và chăm sóc trẻ

(1) Khi mang thai

Nếu bạn phát hiện có thai, trước tiên hãy đến khám ở cơ sở y tế và thông báo về việc mang thai khi bạn đã biết ngày dự sinh. Tại thời điểm thông báo, bạn sẽ nhận được Phiếu khám sức khỏe thai phụ và Sổ tay sức khỏe mẹ và bé (bản tiếng nước ngoài) để lưu hồ sơ sức khỏe từ giai đoạn mang thai đến khi sinh con và chăm sóc trẻ. Ngoài ra, bạn có thể nhận được lời khuyên từ y tá sức khỏe cộng đồng, v.v... để có thể an tâm sinh con.

Bộ phận Xúc tiến Sức khỏe (Trung tâm Y tế)	Địa chỉ: 1726-5 Kogenishi-machi, Yatsushiro-shi, 866-0072 Điện thoại: 0965-32-7200
--	---



(2) Sau khi sinh

Vui lòng thông báo việc sinh con trong vòng 2 tuần sau khi sinh tại Bộ phận Công dân hoặc các văn phòng chi nhánh. Sau khi sinh, nếu bạn gặp vấn đề về sức khỏe hoặc gặp khó khăn trong việc chăm sóc trẻ, v.v... vui lòng trao đổi với y tá sức khỏe cộng đồng tại Trung tâm y tế bất cứ lúc nào.

Bộ phận Công dân, Tầng 1, khu Đông, Văn phòng Chính phủ tạm thời	Điện thoại: 0965-33-4110
Bộ phận Xúc tiến Sức khỏe (Trung tâm Y tế)	Địa chỉ: 1726-5 Kogenishi-machi, Yatsushiro-shi, 866-0072 Điện thoại: 0965-32-7200

(3) Dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho trẻ sơ sinh và tiêm chủng dự phòng

■ Các loại kiểm tra sức khỏe cho trẻ sơ sinh

Thực hiện kiểm tra sức khỏe (đo chiều cao và cân nặng, khám sức khỏe, tư vấn sức khỏe, tư vấn dinh dưỡng, tư vấn nha khoa, v.v...) tại các mốc phát triển của trẻ. Chúng tôi sẽ thông báo cho bạn vào giai đoạn bé tròn 4 tháng tuổi, tròn 7 tháng tuổi, tròn 1 năm 7 tháng tuổi, tròn 3 năm 4 tháng tuổi. Ngoài ra, chúng tôi cũng sẽ kiểm tra răng miệng cho trẻ 2 tuổi.

■ Các loại hình tư vấn chăm sóc trẻ

Chúng tôi tổ chức các không gian dành cho bé, các lớp chăm sóc trẻ như lớp dạy nấu các món ăn dặm, v.v... và tư vấn cá nhân cho mẹ và bé. Nếu bạn lo lắng về quá trình phát triển của trẻ hoặc gặp khó khăn trong việc chăm sóc trẻ, hãy thoải mái liên hệ với chúng tôi vào bất cứ lúc nào, đừng phiền não một mình.

■各種予防接種

法律で定められた乳幼児期に受ける予防接種が数種類あり、様々な感染症に対する予防が目的です。お知らせは市報折り込みの健康カレンダーで行います。受け忘れのないように気をつけてください。

健康推進課（保健センター）	住所：〒866-0072 八代市高下西町1726-5 電話：0965-32-7200
---------------	---

(4) その他

■児童手当

中学校修了前の児童の父又は母等に対して、児童の人数に応じた額が支給されます。但し、所得制限があります。

仮設庁舎東棟1階 こども未来課（8番窓口）	電話：0965-33-8721
--------------------------	-----------------

■児童扶養手当

父母の離婚等により父または母と生計を同じくしていない18歳未満の児童(児童が中程度以上の障がいの有する場合は、20歳未満まで)を養育しているひとり親家庭等の生活の安定と自立を助け、児童の福祉の増進を図ることを目的として、児童扶養手当が支給されます。

手当を受けている人及び扶養義務者等の前年の所得が所得制限限度額以上ある場合は、手当の全部又は一部が支給停止されます。

仮設庁舎東棟1階 こども未来課	電話：0965-33-8721
--------------------	-----------------

■こども医療費助成制度

八代市に住民登録されている0歳から高校3年生相当（18歳到達以後最初の3月31日まで）までの子どもが病気・けがなどで医療機関等に受診した場合、子どもの通院・入院等にかかる医療費を全額助成します。

仮設庁舎東棟1階 こども未来課（8番窓口）	電話：0965-33-8721
--------------------------	-----------------

■各種予防接種

法律で定められた乳幼児期に受ける予防接種が数種類あり、様々な感染症に対する予防が目的です。お知らせは市報折り込みの健康カレンダーで行います。受け忘れのないように気をつけてください。

Bộ phận Xúc tiến Sức khỏe (Trung tâm Y tế)	Địa chỉ: 1726-5 Kogenishi-machi, Yatsushiro-shi, 866-0072 Điện thoại: 0965-32-7200
--	---

(4) Hạng mục khác

■ Trợ cấp nhi đồng

Cha hoặc mẹ của trẻ sẽ được trợ cấp số tiền tương ứng với số lượng trẻ trước khi trẻ hoàn thành trung học cơ sở. Tuy nhiên, có giới hạn thu nhập.

Tầng 1, khu Đông, Văn phòng Chính phủ tạm thời Bộ phận Vì tương lai trẻ em (quầy số 8)	Điện thoại: 0965-33-8721
---	--------------------------

■ Trợ cấp nuôi dưỡng nhi đồng

Trợ cấp nuôi dưỡng nhi đồng được thực hiện nhằm mục đích hỗ trợ việc ổn định và độc lập cuộc sống của các gia đình có cha/mẹ đơn thân, v.v... đang nuôi dạy trẻ dưới 18 tuổi (giới hạn đến dưới 20 tuổi nếu trẻ bị khuyết tật mức độ trung bình trở lên) không sống cùng với cha hoặc mẹ của mình do cha mẹ ly hôn, v.v... và nhằm giúp cải thiện phúc lợi của trẻ.

Nếu thu nhập năm trước của người nhận trợ cấp và người có nghĩa vụ nuôi dưỡng, v.v... vượt quá khoản hạn mức của giới hạn thu nhập thì sẽ ngưng trợ cấp một phần hoặc toàn bộ.

Tầng 1, khu Đông, Văn phòng Chính phủ tạm thời Bộ phận Vì tương lai trẻ em	Điện thoại: 0965-33-8721
---	--------------------------

■ Chương trình trợ cấp chi phí y tế trẻ em

Nếu trẻ trong độ tuổi từ 0 tuổi cho đến tương đương học sinh lớp 12 (hường trợ cấp cho đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên kể từ khi trẻ được 18 tuổi) có đăng ký cư trú tại thành phố Yatsushiro đến các cơ sở y tế, v.v... để khám bệnh/thương tật, v.v... thì sẽ được trợ cấp toàn bộ chi phí y tế liên quan đến việc đi bệnh viện và nhập viện của trẻ, v.v...

Tầng 1, khu Đông, Văn phòng Chính phủ tạm thời Bộ phận Vì tương lai trẻ em (quầy số 8)	Điện thoại: 0965-33-8721
---	--------------------------

■子育て支援センター

子育て中の親子が、気軽につどい自由に遊べる場です。子育てに関する相談を受け、アドバイスや支援を行います。市内に6ヶ所の子育て支援センターがあります。子育てに関する悩み相談や育児講座などを行っています。詳しくは各支援センターにお尋ねください。

センター名	実施場所	電話番号
八代市子育て支援センター	〒866-0063 八代市豊原上町2920-2-4 高田東部保育園内	0965-31-7468
八代市南部子育て支援センター	〒869-5163 八代市三江湖町1427-1-3 ひので保育園内	0965-33-2393
八代市北部子育て支援センター	〒866-0012 八代市高小原町1507-1 八代しらぬい保育園内	0965-34-1056
八代市ひまわり子育て支援センター	〒866-0825 八代市井上町330 八代ひまわり保育園内	0965-34-7008
八代市千丁子育て支援センター	〒869-4703 八代市千丁町新牟田1357-3 千丁みどり保育園内	0965-46-0088
八代市鏡子育て支援センター	〒869-4222 八代市鏡町両出65-2 文政保育園内	0965-52-1219

■こどもプラザ、つどいの広場

子育て中の親子が気軽につどい、安心して楽しく遊べる場所です。子育ての悩み相談や子育て情報の提供、子育てに関する様々な講座を実施しています。お気軽にお越しください。

こどもプラザすくすく	〒866-0861 八代市本町3丁目1-29 マックスバリュ八代店2階 ☎0965-32-0404 開所日：火・水・金 10:00～15:00 土曜日 10:00～12:30
こどもプラザわくわく	〒866-0013 八代市沖町3987-3 イオン八代店2階 ☎0965-30-7140 開所日：月～金曜日 10:00～15:00
つどいの広場ぽけっと	〒869-4401 八代市泉町柿迫3188-2 振興センターいずみ2階 ☎0965-67-3511 開所日：月・水・金曜日 9:00～16:00

■ 中 心 支 持 育 児 育 童

Đây là nơi mà các bậc cha mẹ và con cái có thể thoải mái tụ họp và vui chơi tự do. Ở đây có nhận tư vấn và đưa ra lời khuyên hoặc hỗ trợ về việc nuôi dạy trẻ. Có 6 trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ trong thành phố. Chúng tôi tư vấn giải quyết những phiền nhiễu liên quan đến việc nuôi dạy trẻ và cung cấp các khóa học nuôi dạy trẻ. Vui lòng liên hệ các trung tâm hỗ trợ để biết thêm chi tiết.

Tên trung tâm	Địa điểm thực hiện	Số điện thoại
Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ thành phố Yatsushiro	Bên trong Nhà trẻ Takadatobu, 2920-2-4 Buiwarakami-machi, Yatsushiro-shi, 866-0063	0965-31-7468
Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ phía nam thành phố Yatsushiro	Bên trong Nhà trẻ Hinode, 1427-1-3 Mitsuego-machi, Yatsushiro-shi, 869-5163	0965-33-2393
Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ phía bắc thành phố Yatsushiro	Bên trong Nhà trẻ Yatsushiro Shiranui, 1507-1 Kogobara-machi, Yatsushiro-shi, 866-0012	0965-34-1056
Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ Himawari thành phố Yatsushiro	Bên trong Nhà trẻ Yatsushiro Himawari, 330 Inoue-machi, Yatsushiro-shi, 866-0825	0965-34-7008
Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ Sencho thành phố Yatsushiro	Bên trong Nhà trẻ Sencho Midori, 1357-3 Shinmuta, Sencho-machi, Yatsushiro-shi 869-4703	0965-46-0088
Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ Kagami thành phố Yatsushiro	Bên trong Nhà trẻ Bunsei, 65-2 Ryode, Kagami-machi, Yatsushiro-shi, 869-4222	0965-52-1219

■ Trung tâm trẻ em, không gian tụ họp

Đây là nơi mà bậc cha mẹ và con cái có thể sự an tâm thoải mái tụ họp và vui chơi. Ở đây tư vấn về những phiền nhiễu trong việc nuôi dạy trẻ hoặc cung cấp thông tin nuôi dạy trẻ và tổ chức nhiều khóa học khác nhau liên quan đến việc nuôi dạy trẻ. Mọi người đều có thể thoải mái đến đây.

Trung tâm trẻ em Suku Suku	3-1-29 Hon-machi, Yatsushiro-shi, 866-0861 Tầng 2, Max Valu Yatsushiro ☎0965-32-0404 Ngày mở cửa: Thứ ba - Thứ tư - Thứ sáu 10:00 ~ 15:00 Thứ bảy 10:00 ~ 12:30
Trung tâm trẻ em Waku Waku	3987-3 Oki-machi, Yatsushiro-shi, 866-0013 Tầng 2, Aeon Yatsushiro ☎0965-30-7140 Ngày mở cửa: Thứ hai ~ Thứ sáu 10:00 ~ 15:00
Không gian tụ họp Poketto	3188-2 Kakizako, Izumi-machi, Yatsushiro-shi, 869-4401 Tầng 2, Trung tâm xúc tiến Izumi ☎0965-67-3511 Ngày mở cửa: Thứ hai - Thứ tư - Thứ sáu 9:00 ~ 16:00

1.2 交通

(1) 鉄道の利用のしかた

八代市内には、JR九州の3路線と肥薩おれんじ鉄道が運行しています。
なお、八代駅、新八代駅でJR時刻表が無料でもらえます。

会社名	路線名	路線
JR九州	九州新幹線	福岡県（博多）～鹿児島県（鹿児島中央）
	鹿児島本線	福岡県（門司港）～熊本県（八代）
	肥薩線	熊本県（八代）～鹿児島県（隼人）
肥薩おれんじ鉄道		熊本県（八代）～鹿児島県（薩摩川内）

- ・駅の自動発券機か窓口で、目的地までの切符をあらかじめ購入します。ただし、無人駅の場合もあり、列車内で購入する場合があります。
- ・改札口で切符にスタンプを押してもらい、指定のプラットホームで列車に乗車します。
- ・目的の駅で下車したら、改札口で切符を駅員に渡します。

名称	住所	電話
JR九州 八代駅	〒866-0831 八代市萩原町1-1-1	0965-32-4472
JR九州 新八代駅	〒866-0824 八代市上日置町4774-2	0965-31-8005
肥薩おれんじ鉄道 八代駅	〒866-0831 八代市萩原町1-1-1	0965-32-5678

(2) バスの利用のしかた

乗車前に行き先を確認します。バスに乗車するには、進行方向に向かって左側のバス停で待ちます。バスが来たら、バス正面に表示されている行き先を確認して後部の入り口から乗車し（ドアが前後にあるバスの場合）整理券を取ってから座席につきます。バスの中では停留所名のアナウンスに注意し、自分の目的地である停留所名がアナウンスされたら、ブザーを押して下車することを運転手に知らせます。下車の際に、運賃と整理券を運賃箱に入れます。

なお、ICカードの利用も可能です。

産交バス株式会社八代営業所	住 所：〒866-0016 八代市新地町9-3 電 話：0965-32-5145
---------------	---



12. Giao thông

(1) Cách sử dụng đường sắt

Ở trong thành phố Yatsushiro, có 3 tuyến đường thuộc JR Kyushu và đường sắt Hisatsu Orange đang vận hành.

Ngoài ra, bạn có thể lấy miễn phí bảng thời gian hoạt động của tàu JR tại ga Yatsushiro và ga Shin-Yatsushiro.

Tên công ty	Tên tuyến đường	Lộ trình
JR Kyushu	Tuyến Kyushu Shinkansen	Fukuoka-ken (Hakata) ~ Kagoshima-ken (Kagoshima Chuo)
	Tuyến chính Kagoshima	Fukuoka-ken (Mojiko) ~ Kumamoto-ken (Yatsushiro)
	Tuyến Hisatsu	Kumamoto-ken (Yatsushiro) ~ Kagoshima-ken (Hayato)
Đường sắt Hisatsu Orange		Kumamoto-ken (Yatsushiro) ~ Kagoshima-ken (Satsumasendai)

- ・ Mua trước vé đến điểm đến tại máy bán vé tự động hoặc tại quầy bán vé ở nhà ga. Tuy nhiên, cũng có những nhà ga không có nhân viên, cũng có trường hợp bạn sẽ mua vé trên tàu.
- ・ Sau khi được đóng dấu vào vé tại cửa soát vé, bạn hãy lên tàu tại sân ga được chỉ định.
- ・ Khi bạn xuống tàu tại ga đến, hãy đưa vé cho nhân viên nhà ga ở cửa soát vé.

Tên gọi	Địa chỉ	Điện thoại
JR Kyushu Ga Yatsushiro	1-1-1 Hagiwara-machi, Yatsushiro-shi, 866-0831	0965-32-4472
JR Kyushu Ga Shin-Yatsushiro	4774-2 Kamihioiki-machi, Yatsushiro-shi, 866-0824	0965-31-8005
Đường sắt Hisatsu Orange Ga Yatsushiro	1-1-1 Hagiwara-machi, Yatsushiro-shi, 866-0831	0965-32-5678

(2) Cách sử dụng xe buýt

Xác nhận điểm đến của bạn trước khi lên xe. Để lên xe buýt, hãy đợi ở trạm xe buýt bên trái, cùng hướng với hướng mà bạn sẽ đi. Khi xe buýt đến, bạn xác nhận điểm đến được hiển thị ở phía trước của xe buýt, lên xe từ lối vào ở phía sau (nếu xe buýt có cửa ở phía trước và phía sau), lấy vé có đánh số thứ tự và đến ghế ngồi. Trên xe buýt bạn hãy chú ý các thông báo tên trạm dừng, khi được thông báo tên trạm dừng là điểm đến của bạn, bạn hãy bấm chuông để báo cho tài xế biết về việc xuống xe. Khi bạn xuống xe, bỏ tiền xe và vé có đánh số thứ tự vào hộp đựng tiền.

Ngoài ra, bạn cũng có thể sử dụng thẻ IC card.

Văn phòng Kinh doanh Yatsushiro - Công ty Sanko Bus	Địa chỉ: 9-3 Shinchi-machi, Yatsushiro-shi, 866-0016 Điện thoại: 0965-32-5145
--	--



(3) タクシーの利用のしかた

八代市では、街を走っているタクシーを呼び止めて乗車することはなかなか困難ですので、駅や街中などにあるタクシー乗り場で待つか、タクシー会社に電話して呼びましょう。タクシーは停車すると自動的に後部の左側ドアが開きますので、そこから乗り降ります。料金は運転手の横にあるメーターに表示されますので、目的地に到着したら料金を支払います。

	タクシー会社名	電話	住所
1	有限会社中央タクシー	0120-332-167	八代市本町 2-2-4
2	有限会社大和タクシー	0120-326-414	八代市大村町 859-7
3	株式会社八代タクシー	0965-32-7151	八代市大手町 2-5-13
4	有限会社親和タクシー	0120-301-140	八代市千反町 2-17-5-1F
5	有限会社観光タクシー	0120-338-240	八代市建馬町 2-12
6	有限会社昭和タクシー	0120-354-181	八代市塩屋町 2-26
7	有限会社神園交通	0120-222-123	八代市通町 10-57
8	有限会社有佐観光タクシー	0120-330-215	八代市鏡町下有佐 74-2
9	有限会社西田交通	0120-321-407	八代市葭牟田町 456-2
10	有限会社千丁タクシー	0120-464-899	八代市千丁町吉王丸 1580-1



(3) Cách sử dụng xe taxi

Ở thành phố Yatsushiro, vì rất khó bắt xe bằng cách gọi xe taxi đang chạy trên phố dừng lại nên bạn hãy đợi tại bãi đậu xe taxi ở nhà ga hoặc trên phố, v.v... hoặc gọi điện thoại cho công ty taxi. Khi taxi dừng lại, cửa bên trái phía sau sẽ tự động mở, vì vậy bạn hãy lên xuống xe từ bên đó. Giá cước được hiển thị trên đồng hồ tính cước bên cạnh tài xế, và bạn sẽ trả tiền sau khi đến nơi.

	Tên công ty Taxi	Điện thoại	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Chuo Taxi	0120-332-167	2-2-4 Hon-machi, Yatsushiro-shi
2	Công ty TNHH Daiwa Taxi	0120-326-414	859-7 Omura-machi, Yatsushiro-shi
3	Công ty Cổ phần Yatsushiro Taxi	0965-32-7151	2-5-13 Otemachi, Yatsushiro-shi
4	Công ty TNHH Shinwa Taxi	0120-301-140	Tầng 1, 2-17-5 Sendan-machi, Yatsushiro-shi
5	Công ty TNHH Kanko Taxi	0120-338-240	2-12 Tateuma-machi, Yatsushiro-shi
6	Công ty TNHH Showa Taxi	0120-354-181	2-26 Shioya-machi, Yatsushiro-shi
7	Công ty TNHH Kamizono Kotsu	0120-222-123	10-57 Tori-cho, Yatsushiro-shi
8	Công ty TNHH Arisa Kanko Taxi	0120-330-215	74-2 Shimoarisa, Kagami-machi, Yatsushiro-shi
9	Công ty TNHH Nishida Kotsu	0120-321-407	456-2 Yoshimuta-machi, Yatsushiro-shi
10	Công ty TNHH Sencho Taxi	0120-464-899	1580-1 Yoshiomaru, Sencho-machi, Yatsushiro-shi



(4) 交通ルール

日本では国際運転免許を持っていれば、車の運転は可能です。ただし日本の交通ルールは自国とは異なる場合があります。日本の道路標識は必ず覚えてください。また日本は非常に交通量が多く道が狭いので交通安全には常に細心の注意を払いましょう。とくに次のポイントには注意してください。

- ・日本では車は左側通行で歩行者優先。
- ・左折時には、左後方から来るミニバイクや自転車に注意（巻き込みによる事故多発）。
- ・飲酒運転は厳禁。
- ・駐車禁止区域での駐車は罰金刑（反則金）となる。
- ・交通違反は罰金刑または反則金、悪質な場合は免許停止。場合によっては逮捕されることもある。
- ・ミニバイクはヘルメット、車はシートベルト着用が義務づけられている。
- ・事故を起こしたらすぐに警察に連絡する。

八代警察署	住所：〒866-0863 八代市西松江城町11-40 電話：0965-33-0110
-------	---

(5) 運転免許

自動車等を運転するには、運転免許が必要です。自動車教習所などで運転免許を取得してください。自国の有効な運転免許証を持っている人は、手続きをすれば、日本の運転免許証へ切替えることができます。

(6) 国際運転免許証

ジュネーブ条約に基づいて発給された国際運転免許証に限り、日本でも有効です。有効期間内で、日本に上陸した日から1年間有効ですが、入国後1年以内に国際免許証の有効期限がきた場合は、その日までとなります。

※外国人登録をしている人が、日本から出国して国際運転免許証を取得した後、再び入国した場合は、出国から入国までの期間が3ヶ月以上なければ認められません。

(7) 日本の免許への切替

外国運転免許証は、日本の運転免許証への切り替えの申請が可能です。手続きは、住んでいる都道府県の運転免許センター・運転免許試験場などで行います。

■外国運転免許の切替について

熊本県運転免許センター	住所：〒869-1107 熊本県菊池郡菊陽町大字辛川2655番地 電話：096-233-0110
-------------	---

JAFのホームページ：<http://www.jaf.or.jp/e/translation/switch.html>
(英語、中国語、フランス語、ベトナム語)



(4) Quy tắc giao thông

Tại Nhật Bản, bạn có thể lái xe ô tô nếu bạn có giấy phép lái xe quốc tế. Tuy nhiên, quy tắc giao thông của Nhật Bản có thể khác với quốc gia của bạn. Hãy ghi nhớ biển báo chỉ đường của Nhật Bản. Ngoài ra, vì ở Nhật Bản đường xá hẹp và lượng xe lưu thông rất đông nên bạn hãy hết sức chú ý cẩn thận đến an toàn giao thông. Đặc biệt lưu ý đến những điểm sau.

- ・ Tại Nhật Bản, ô tô đi bên trái và người đi bộ được ưu tiên.
- ・ Khi rẽ trái, cần chú ý xe gắn máy và xe đạp đi đến từ phía sau ở bên trái (tai nạn thường xảy ra do bị vướng vào xe).
- ・ Nghiêm cấm lái xe sau khi uống rượu bia.
- ・ Đỗ xe trong khu vực cấm đỗ xe sẽ bị xử phạt hành chính (phạt tiền).
- ・ Vi phạm giao thông sẽ bị xử phạt hành chính hoặc phạt tiền, trường hợp nghiêm trọng sẽ bị tạm giữ giấy phép lái xe. Tùy vào trường hợp, người vi phạm cũng có thể bị bắt giữ.
- ・ Người ngồi trên xe gắn máy bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm, người ngồi trên ô tô bắt buộc phải thắt dây an toàn.
- ・ Nếu xảy ra tai nạn, hãy báo ngay với cảnh sát.

Sở cảnh sát Yatsushiro	Địa chỉ: 11-40 Nishimatsuejo-machi, Yatsushiro-shi, 866-0863 Điện thoại: 0965-33-0110
------------------------	--

(5) Giấy phép lái xe

Bạn cần phải có giấy phép lái xe khi điều khiển ô tô, v.v... Hãy đến các trung tâm đào tạo lái xe để được cấp giấy phép lái xe. Người có giấy phép lái xe hợp lệ tại đất nước mình có thể chuyển đổi sang giấy phép lái xe của Nhật Bản sau khi hoàn tất các thủ tục.

(6) Giấy phép lái xe quốc tế

Chỉ có giấy phép lái xe quốc tế được cấp theo Công ước Geneve mới được xem là hợp lệ tại Nhật Bản. Trong thời hạn có hiệu lực, giấy phép lái xe quốc tế sẽ có hiệu lực trong 1 năm tính từ ngày đến Nhật, nhưng nếu giấy phép hết hạn trong vòng 1 năm kể từ khi nhập cảnh, thời hạn giấy phép sẽ tính đến ngày hết hạn đó.

*Đối với người đăng ký người nước ngoài, nếu được cấp giấy phép lái xe quốc tế khi đã xuất cảnh khỏi Nhật Bản, sau đó nhập cảnh trở lại, thì trường hợp này giấy phép sẽ không được công nhận trừ khi thời gian từ lúc xuất cảnh đến lúc nhập cảnh là 3 tháng trở lên.

(7) Chuyển đổi sang giấy phép lái xe Nhật Bản

Bạn có thể đăng ký chuyển đổi giấy phép lái xe nước ngoài sang giấy phép lái xe Nhật Bản. Thực hiện thủ tục chuyển đổi tại trung tâm sát hạch/cấp giấy phép lái xe tại các tỉnh, thành phố.

■ Chuyển đổi giấy phép lái xe nước ngoài

Trung tâm cấp giấy phép lái xe tỉnh Kumamoto	Địa chỉ: 2655 Oaza-Karakawa, Kikuyo-machi, Kikuchi-gun, Kumamoto-ken, 869-1107 Điện thoại: 096-233-0110
--	--

Trang chủ JAF: <http://www.jaf.or.jp/e/translation/switch.html>
(Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Pháp, tiếng Việt)



1.3 郵便・小包

(1) 郵便

日本の郵便業務は、郵便局が行っています。はがきや切手は、郵便局のほか、郵便のシンボルマーク『〒』のマークがついたお店で買うことができます。

日本国内では、7けたの郵便番号が使われています。相手に、早く、確実に届けるために国内で郵便物を出すときは、郵便番号を記載するようにしましょう。

郵便料金

はがき：国内 63円

国外 70円（世界各国共通）

(2) 国際小包

航空小包と船便小包とエコノミー航空（SAL）小包の3種類があります。早く送り届けたい場合には、「航空小包」が便利です。

(3) EMS（国際スピード郵便）

緊急に書類や物品（30キロまで）を送るときに最適です。引き受けから配達まで最優先で取り扱ってもらえます。書類や物品と一緒に送ることもできます。コンピューター追跡システムで海外（117ヶ国・地域）への配達状況の確認ができます。

詳細については、郵便局にお問い合わせください。

日本郵便株式会社 八代郵便局	住所：〒866-0861 八代市本町2-3-34 電話：0965-32-3074
----------------	---



13. Bưu điện/bưu kiện

(1) Bưu điện

Các dịch vụ bưu chính của Nhật Bản được thực hiện tại bưu điện. Bạn có thể mua bưu thiếp và tem tại bưu điện hoặc các cửa hàng có ký hiệu bưu điện “〒”.

Tại Nhật Bản người ta sử dụng mã bưu chính gồm 7 chữ số. Khi bạn gửi bưu phẩm trong nước Nhật Bản để bưu phẩm đến được người nhận một cách nhanh chóng và chính xác, hãy nhớ ghi mã bưu chính.

Giá cước bưu điện

Bưu thiếp: Trong nước: 63 yên

Quốc tế: 70 yên (giá cước chung cho các nước trên thế giới)

(2) Bưu kiện quốc tế

Có 3 loại bưu kiện là bưu kiện đường hàng không, bưu kiện đường thủy và bưu điện đường hàng không mức phí phổ thông (SAL). Nếu bạn muốn chuyển nhanh, “bưu kiện đường hàng không” sẽ là lựa chọn tiện lợi cho bạn.

(3) EMS (chuyển phát nhanh quốc tế)

Đây là phương thức tối ưu cho trường hợp cần gửi gấp giấy tờ, vật phẩm (dưới 30kg). Với phương thức này bưu phẩm sẽ được ưu tiên xử lý từ khâu tiếp nhận cho đến khâu chuyển phát. Giấy tờ và vật phẩm cũng có thể được gửi cùng nhau. Bạn có thể kiểm tra tình trạng chuyển phát ra nước ngoài (117 quốc gia và vùng lãnh thổ) bằng hệ thống theo dõi trên máy tính.

Vui lòng liên hệ với bưu điện để biết thêm chi tiết.

Bưu điện Yatsushiro, Tập đoàn Bưu chính Nhật Bản	Địa chỉ: 2-3-34 Hon-machi, Yatsushiro-shi, 866-0861 Điện thoại: 0965-32-3074
--	---



1 4 緊急時のために

(1) 事故・盗難にあったとき

■警察へ連絡するには（電話番号は局番なしの『110』）

どろぼうや暴力の被害、交通事故にあったときは、警察署に電話してください。警察署につながったら、あせらず、落ち着いて、①何があったのか ②いつ ③どこで ④氏名 ⑤かけている電話番号を話してください。パトロールカーのサイレンが聞こえたら、道案内のために迎えに出てください。

『110』は無料で警察署につながります。公衆電話では、10円玉もテレホンカードも必要ありません。

知らせるときに、あわてないように、日頃から自分の名前と住所、近くの目印となる建物の名前を、ひらがなやローマ字で大きく書いて、電話の近くにはっておくと便利です。

■携帯電話から警察署に電話するとき

携帯電話は、通報場所（住所）、携帯の電話番号を、必ず教えてください。住所が分からないときは、現場近くの目印となる目標物を伝えるか、近くの公衆電話を利用してください。

場所や状況確認のため、警察署からかけなおすことがあります。通報後も電源を切らず、その場にとどまってください。自動車運転中は、安全な場所に停車してから通報してください。

■交番について

各地域には交番があり、警察官がいます。交番では地域のパトロール、迷子の世話、落とし物の処理などを行っています。また、道を聞きたいときは、交番で教えてくれます。

(2) 火事の時

■消防署へ連絡するには（電話番号は局番なしの『119』）

火事ときは、大きな声で近所の人に知らせ、消防署に電話して、消防車を呼びましょう。自分ひとりで消そうとすると危険です。『119』に電話をして消防署につながったら、あせらず、落ち着いて、①火事であること ②どこであったか（住所または目標物） ③燃えているもの ④氏名 ⑤かけている電話番号を話してください。消防車のサイレンが聞こえたら、道案内のために迎えに出てください。

『119』は無料で消防署につながります。公衆電話では、10円玉もテレホンカードも必要ありません。

知らせるときに、あわてないように、日頃から自分の名前と住所、近くの目印となる建物の名前を、ひらがなやローマ字で大きく書いて、電話の近くにはっておくと便利です。

■携帯電話から消防署に電話するとき

携帯電話は、通報場所（住所）、携帯の電話番号を、必ず教えてください。住所が分からないときは、現場近くの目印となる目標物を伝えるか、近くの公衆電話を利用してください。

場所や状況確認のため、消防署からかけなおすことがあります。通報後も電源を切らず、その場にとどまってください。自動車運転中は、安全な場所に停車してから通報してください。

14. Đối với trường hợp khẩn cấp

(1) Khi gặp tai nạn, trộm cắp

■ Liên lạc với cảnh sát (số điện thoại “110” không cần mã vùng)

Khi gặp trộm cắp, bạo lực, tai nạn giao thông, hãy gọi điện thoại cho sở cảnh sát. Khi được nối máy với sở cảnh sát, bạn đừng hoảng sợ, hãy bình tĩnh và báo cho cảnh sát biết ① Chuyện gì đã xảy ra ② Thời gian ③ Địa điểm ④ Họ tên ⑤ Số điện thoại dùng để gọi đến. Khi nghe thấy tiếng còi xe tuần tra, hãy ra đón để dẫn đường cho xe.

“110” là đường dây kết nối miễn phí đến sở cảnh sát. Nếu gọi bằng điện thoại công cộng, bạn không cần sử dụng đồng 10 yên hay thẻ điện thoại.

Nhằm tránh bị lúng túng khi báo tin, sẽ thuận tiện cho bạn hơn nếu ngày thường bạn viết sẵn họ tên, địa chỉ của mình, tên tòa nhà để nhận biết gần đó bằng chữ Hiragana hoặc chữ Latin thật lớn rồi dán gần điện thoại.

■ Khi gọi điện thoại cho sở cảnh sát bằng điện thoại di động

Nếu gọi bằng điện thoại di động, bạn cần phải cho biết địa điểm báo tin (địa chỉ) và số điện thoại di động. Nếu không biết rõ địa chỉ, hãy mô tả một điểm mốc để nhận biết gần hiện trường hoặc sử dụng điện thoại công cộng ở gần đó.

Có thể sở cảnh sát sẽ gọi lại cho bạn nhằm xác nhận địa điểm và tình hình. Sau khi báo tin, không tắt nguồn điện thoại và hãy ở yên đợi tại địa điểm đó. Nếu đang lái xe, hãy dừng xe tại một vị trí an toàn rồi sau đó mới báo tin.

■ Chốt cảnh sát

Mỗi khu vực đều có chốt cảnh sát và nhân viên cảnh sát. Chốt cảnh sát thực hiện tuần tra khu vực, trông giữ trẻ đi lạc, xử lý tài sản đánh rơi, v.v... Ngoài ra, khi cần hỏi đường, bạn cũng có thể tìm đến chốt cảnh sát để được chỉ dẫn.

(2) Khi xảy ra hỏa hoạn

■ Liên lạc với sở cứu hỏa (số điện thoại “119” không cần mã vùng)

Khi xảy ra hỏa hoạn, hãy lớn tiếng hô hoán cho hàng xóm biết và gọi điện thoại đến sở cứu hỏa để gọi xe cứu hỏa.

Cố gắng tự dập lửa là việc rất nguy hiểm. Khi gọi đến số “119” và được nối máy với sở cứu hỏa, bạn đừng hoảng sợ, hãy bình tĩnh và báo cho sở cứu hỏa biết ① Có hỏa hoạn xảy ra ② Địa điểm (địa chỉ hoặc điểm mốc gần đó) ③ Vật đang cháy ④ Họ tên ⑤ Số điện thoại dùng để gọi đến. Khi nghe thấy tiếng còi xe cứu hỏa, hãy ra đón để dẫn đường cho xe.

“119” là đường dây kết nối miễn phí đến sở cứu hỏa. Nếu gọi bằng điện thoại công cộng, bạn không cần sử dụng đồng 10 yên hay thẻ điện thoại.

Nhằm tránh bị lúng túng khi báo tin, sẽ thuận tiện cho bạn hơn nếu ngày thường bạn viết sẵn họ tên, địa chỉ của mình, tên tòa nhà để nhận biết gần đó bằng chữ Hiragana hoặc chữ Latin thật lớn rồi dán gần điện thoại.

■ Khi gọi điện thoại cho sở cứu hỏa bằng điện thoại di động

Nếu gọi bằng điện thoại di động, bạn cần phải cho biết địa điểm báo tin (địa chỉ) và số điện thoại di động. Nếu không biết rõ địa chỉ, hãy mô tả một điểm mốc để nhận biết gần hiện trường hoặc sử dụng điện thoại công cộng ở gần đó.

Có thể sở cứu hỏa sẽ gọi lại cho bạn nhằm xác nhận địa điểm và tình hình. Sau khi báo tin, không tắt nguồn điện thoại và hãy ở yên đợi tại địa điểm đó. Nếu đang lái xe, hãy dừng xe tại một vị trí an toàn rồi sau đó mới báo tin.

■り災証明

火災の被害にあつて、税の減免や猶予などを受ける場合には『り災証明』が必要です。申請される場合は八代消防署または鏡消防署におたずねください。

八代消防署	電 話：0965-32-9223
鏡消防署	電 話：0965-52-1313

(3) 急病やけがのとき

■消防署へ連絡するには（電話番号は局番なしの『119』）

急病や、けがのときは、消防署に電話して、救急車を呼びます。軽いケガや病気の時などで、自力で病院に行けるときは、タクシーや自家用車をご利用ください。

『119』に電話して消防署につながったら、あせらず、落ち着いて、①救急であること ②どうしたのか ③どこか（住所または目標物） ④氏名 ⑤かけている電話番号を話してください。救急車のサイレンが聞こえたら、道案内のため迎えに出てください。

『119』は無料で消防署につながります。公衆電話では、10円玉もテレホンカードも必要ありません。

救急車を呼んだとき、健康保険証や、診察券（かかりつけの病院がある場合）を持っている人は、できるだけ用意しておいてください。

知らせるときに、あわてないように、日頃から自分の名前と住所、近くの目印となる建物の名前を、ひらがなやローマ字で大きく書いて、電話の近くにはっておくと便利です。

■携帯電話から消防署に電話するとき

携帯電話は、通報場所（住所）、携帯の電話番号を、必ず教えてください。住所が分からないときは、現場近くの目印となる目標物を伝えるか、近くの公衆電話を利用してください。

場所や状況確認のため、消防署からかけなおすことがあります。通報後も電源を切らず、その場にとどまってください。自動車運転中は、安全な場所に停車してから通報してください。

(4) 自然災害に備えて

■地震

日本は地震が多い国です。地震が起きたら次のことに気をつけましょう。

家の中にいるとき

机の下などに隠れて、身の安全を守ります。

ガスなどの火のもとは、落ち着いて閉めます。

玄関などの扉を開けて非常脱出口を確保します。

大きな揺れが収まった後でも、慌てて外に出ないようにします。

外にいるとき

ブロック塀などの崩れやすいものに近づかないようにします。

ビル街では、看板等の落下物に注意します。

デパートやショッピングセンターなど混雑する所では、係員の指示に従って下さい。エレベーターは使えません。

海岸で地震を感じたら、すぐ高台に避難して下さい。

■ Giấy xác nhận thiệt hại

Nếu bạn được hoãn hoặc giảm thuế khi bị thiệt hại do hỏa hoạn, bạn cần phải có “Giấy xác nhận thiệt hại”. Khi bạn muốn đăng ký giấy xác nhận, vui lòng liên hệ với sở cứu hỏa Yatsushiro hoặc sở cứu hỏa Kagami.

Sở cứu hỏa Yatsushiro	Điện thoại: 0965-32-9223
Sở cứu hỏa Kagami	Điện thoại: 0965-52-1313

(3) Khi bị thương hoặc bị bệnh bất ngờ

■ Liên lạc với sở cứu hỏa (số điện thoại “119” không cần mã vùng)

Khi bạn bị thương hoặc bị bệnh bất ngờ, hãy gọi điện thoại đến sở cứu hỏa để gọi xe cấp cứu. Nếu bạn bị bệnh hoặc bị thương nhẹ và có thể tự đến bệnh viện, hãy dùng taxi hoặc ô tô riêng.

Khi gọi đến số “119” và được nối máy với sở cứu hỏa, bạn đừng hoảng sợ, hãy bình tĩnh và báo cho sở cứu hỏa biết ① Có trường hợp cần cấp cứu ② Tình trạng như thế nào ③ Địa điểm (địa chỉ hoặc điểm mốc gần đó) ④ Họ tên ⑤ Số điện thoại dùng để gọi đến. Khi nghe thấy tiếng còi xe cấp cứu, hãy ra đón để dẫn đường cho xe.

“119” là đường dây kết nối miễn phí đến sở cứu hỏa. Nếu gọi bằng điện thoại công cộng, bạn không cần sử dụng đồng 10 yên hay thẻ điện thoại.

Khi đã gọi xe cấp cứu, người có bảo hiểm y tế, phiếu khám chữa bệnh (đối với bệnh viện gia đình) hãy cố gắng chuẩn bị sẵn các giấy tờ này.

Nhằm tránh bị lúng túng khi báo tin, sẽ thuận tiện cho bạn hơn nếu ngày thường bạn viết sẵn họ tên, địa chỉ của mình, tên tòa nhà để nhận biết gần đó bằng chữ Hiragana hoặc chữ Latin thật lớn rồi dán gần điện thoại.

■ Khi gọi điện thoại cho sở cứu hỏa bằng điện thoại di động

Nếu gọi bằng điện thoại di động, bạn cần phải cho biết địa điểm báo tin (địa chỉ) và số điện thoại di động. Nếu không biết rõ địa chỉ, hãy mô tả một điểm mốc để nhận biết gần hiện trường hoặc sử dụng điện thoại công cộng ở gần đó.

Có thể sở cứu hỏa sẽ gọi lại cho bạn nhằm xác nhận địa điểm và tình hình. Sau khi báo tin, không tắt nguồn điện thoại và hãy ở yên đợi tại địa điểm đó. Nếu đang lái xe, hãy dừng xe tại một vị trí an toàn rồi sau đó mới báo tin.

(4) Chuẩn bị cho thảm họa thiên tai

■ Động đất

Nhật Bản là đất nước thường xảy ra động đất. Hãy lưu ý những điều sau đây khi gặp động đất.

Nếu bạn ở trong nhà

Nấp dưới bàn để bảo vệ an toàn cho chính mình.

Bình tĩnh tắt các nguồn lửa như bếp gas, v.v...

Mở các cửa ra vào, đảm bảo cửa thoát hiểm.

Đừng vội đi ra ngoài dù cơn địa chấn lớn đã lắng xuống.

Nếu bạn ở bên ngoài

Đừng đến gần những nơi dễ sụp đổ như tường bê tông, v.v...

Chú ý các vật rơi như bảng hiệu, v.v... tại khu vực tòa nhà cao tầng.

Ở những nơi đông người như trung tâm thương mại, khu mua sắm, hãy tuân theo hướng dẫn của người phụ trách tại đó. Không được sử dụng thang máy.

Nếu bạn cảm nhận được động đất tại bờ biển, hãy sơ tán đến vùng đất cao ngay lập tức.

■台風

日本では6月～10月が台風の季節で、特に8月、9月に多く来ます。風が強くなり、大雨が降ることもあります。この季節にはテレビやラジオの天気予報に十分注意しましょう。

■梅雨

日本では6月～7月中旬までを「梅雨」といい、特に雨が多い季節です。河川の増水やガケ崩れなどの被害が起こる恐れがあるので、十分な注意が必要です。また、湿度が高くなるため、食中毒が起こりやすくなります。衛生には特に注意しましょう。

※いざという時のために非常持出品を準備し、バッグ等に入れて持出しやすい所に置いておきましょう。また、火災以外のり災証明は市の危機管理課で発行します。

(5) 交通事故にあったとき

■被害者になったとき

すぐに警察署に届けます。事故の届出がされていないと、保険金支払請求に必要な交通事故証明書が受けられないことがあります。

運転していた人と、車の持ち主（運転していた人が車の所有者でない場合）の住所、氏名、車両番号、保険の加入年月日、保険会社を確認します。

軽いケガと思っても、医師の診断をうけます。

■加害者になったとき

被害者の救護にあたります。（応急手当、救急車の手配）

警察署へ知らせます。

八代警察署	住 所：〒866-0863 八代市西松江城町1 1 - 4 0 電 話：0 9 6 5 - 3 3 - 0 1 1 0
-------	--

■ 暴

Tại Nhật Bản, từ tháng 6 đến tháng 10 là mùa bão và bão đặc biệt đến nhiều vào tháng 8, tháng 9. Có thể gió sẽ mạnh lên và xuất hiện mưa lớn. Vào mùa này, hãy hết sức chú ý đến các bản tin dự báo thời tiết phát trên TV và radio.

■ Mùa mưa

Tại Nhật Bản, từ tháng 6 đến trung tuần tháng 7 được gọi là “mùa mưa” trong khoảng thời gian này mưa rất nhiều. Có nguy cơ lượng nước sông tăng cao và sạt lở, vì thế cần phải hết sức chú ý. Ngoài ra, do độ ẩm cao nên cũng dễ xảy ra ngộ độc thực phẩm. Hãy đặc biệt lưu ý đến vấn đề vệ sinh.

*Hãy chuẩn bị sẵn các đồ dùng khẩn cấp cho những lúc cần đến, cho tất cả vào túi và đặt ở một nơi dễ lấy. Ngoài ra, giấy xác nhận thiệt hại ngoài lý do hỏa hạn sẽ được cấp tại Bộ phận Quản lý hiểm họa của thành phố.

(5) Khi gặp tai nạn giao thông

■ Trường hợp bạn là nạn nhân

Ngay lập tức trình báo với sở cảnh sát. Nếu không trình báo về tai nạn, có thể bạn sẽ không nhận được giấy xác nhận tai nạn giao thông cần thiết để yêu cầu bồi thường bảo hiểm.

Hãy kiểm tra tên, địa chỉ của người điều khiển xe và chủ xe (nếu người điều khiển xe không phải chủ sở hữu xe), biển số xe, ngày tham gia bảo hiểm, công ty bảo hiểm.

Dù cho rằng mình chỉ bị thương nhẹ, bạn cũng nên đến gặp bác sĩ để kiểm tra.

■ Trường hợp bạn là người gây tai nạn

Hãy đến giúp đỡ nạn nhân. (Sơ cứu, gọi xe cấp cứu)

Báo cho sở cảnh sát.

Sở cảnh sát Yatsushiro	Địa chỉ: 11-40 Nishimatsuejo-machi, Yatsushiro-shi, 866-0863 Điện thoại: 0965-33-0110
------------------------	---

15 ごみ処理とリサイクル

生活の中で出てくる様々なごみは、勝手に捨ててはいけません。ごみの分別や収集については、決められたルールがありますので、そのルールに従ってください。大家さんか近所の人にごみの出し方やごみを出す日と場所を聞いておきましょう。ごみは種別ごとに分け、決められた場所に収集日の朝6時30分から8時30分までに出してください。

(1) 燃えるごみ

台所の生ごみ、紙くず、ビニール製品、ゴム製品、革製品等。有料指定袋に入れて、決められた曜日、決められた場所に出します。有料指定袋は市内の商店等で販売しています。

※ごみ袋の値段：大袋（45ℓ 10枚）500円
 中袋（30ℓ 10枚）350円
 小袋（15ℓ 10枚）200円

(2) 資源物〔無料〕

空きビン、空き缶、白色トレイ、ペットボトル、プラスチック容器等は「キレイに洗い、乾かして」、決められた日時に、決められた場所に用意されているネットやケースに入れてください。

テレビ、エアコン、冷蔵庫、洗濯機、パソコン以外の電化製品や、乾電池、蛍光灯等は「そのままの状態」、用意されているケースに入れてください。

新聞、雑誌、ダンボール等は「ひもで十文字に結び」、古着・布類は「透明又は半透明の袋に入れてから」決められた曜日、決められた場所に出します。

(3) 大型ごみ〔有料〕

家具、ふとん、カーペット等は市では収集しません。エコイトやつしろ（環境センター）に持ち込んで下さい。なお、「家電リサイクル法」の施行に伴い、テレビ、エアコン、冷蔵庫、洗濯機、の4品目を処分する場合、リサイクル窓口となる家電小売店に引き渡すか、事前に郵便局でリサイクル料金を払い、指定引取場所（八代市敷川内町2666-1 久留米運送㈱）に搬入してください。その際、詳しくは下記のところにお問い合わせください。

また、パソコンについては、他の家電品とは処理方法が異なりますので、直接、販売店又は製造メーカーのホームページでご確認ください。

(4) 市では引き取れないごみ

タイヤ、バイク、車のバッテリー、ガスボンベ、消火器、ピアノ、コンクリート片等については、販売店か専門の処理業者に引き取ってもらって下さい。

エコイトやつしろ 環境センター 管理課 (大型ごみの持ち込み場所)	住所：〒866-0033 八代市港町299 電話：0965-32-4675
エコイトやつしろ 循環社会推進課	住所：〒866-0033 八代市港町299 電話：0965-34-1997



15. Xử lý và tái chế rác

Không được tùy tiện vứt bỏ các loại rác thải sinh hoạt. Có các quy định cho việc phân loại và thu gom rác, vì vậy bạn cần tuân thủ theo các quy định này. Hãy hỏi chủ nhà hoặc hàng xóm về cách vứt rác, ngày và địa điểm vứt rác. Hãy phân loại và vứt rác tại nơi quy định vào buổi sáng từ 6h30 đến 8h30 của các ngày thu gom rác.

(1) Rác cháy được

Rác nhà bếp, giấy thải, sản phẩm nhựa vinyl, sản phẩm cao su, đồ da, v.v... Hãy cho rác vào túi đựng rác chi định có phí, vứt rác tại nơi quy định vào ngày quy định trong tuần. Túi đựng rác chi định có phí được bán tại các cửa hiệu trong thành phố.

*Giá túi đựng rác: Túi lớn (45l - 10 cái): 500 yên
 Túi trung bình (30l - 10 cái): 350 yên
 Túi nhỏ (15l - 10 cái): 200 yên

(2) Rác tài nguyên (miễn phí)

Hãy đặt các chai lọ rỗng, lon rỗng, khay màu trắng, chai nhựa PET, hộp nhựa, v.v... đã được “rửa sạch, lau khô” vào các lưới hoặc ngăn có sẵn tại nơi quy định theo ngày giờ quy định.

Hãy đặt các thiết bị điện (trừ TV, máy điều hòa, tủ lạnh, máy giặt, máy tính cá nhân) và pin khô, đèn huỳnh quang “ở nguyên hiện trạng” vào các ngăn có sẵn.

Hãy vứt bỏ báo, tạp chí, bìa các tông, v.v... “được buộc chung lại bằng dây theo hình chữ thập” và quần áo cũ, vải các loại “được cho vào túi đựng trong suốt hoặc trong mờ” tại nơi quy định theo ngày quy định trong tuần.

(3) Rác cỡ lớn (có tính phí)

Đồ nội thất, nệm, thảm, v.v... không được thu gom trong thành phố. Hãy mang rác loại này đến Eco Eight Yatsushiro (trung tâm môi trường). Ngoài ra, cùng với việc thực thi “Luật Tái chế thiết bị gia dụng”, khi xử lý 4 loại thiết bị: TV, máy điều hòa, tủ lạnh, máy giặt, hãy giao chúng cho các cửa hàng bán lẻ đồ điện gia dụng đóng vai trò là điểm tiếp nhận tái chế, hoặc trả trước phí tái chế tại bưu điện rồi giao thiết bị đến địa điểm tiếp nhận được chỉ định (Kurume Transportation Co.,Ltd, 2666-1, Shikigawachi-machi, Yatsushiro-shi). Khi đó, vui lòng liên hệ theo các thông tin bên dưới để biết thêm chi tiết.

Ngoài ra, cách xử lý máy tính cá nhân khác với các thiết bị gia dụng khác, vì thế bạn hãy hỏi trực tiếp tại đại lý hoặc tìm hiểu trên trang web của nhà sản xuất.

(4) Rác không được thu gom trong thành phố

Đối với vỏ xe, ắc-quy ô tô, xe máy, bình gas, bình chữa cháy, đàn piano, vụn bê tông, v.v..., hãy nhờ các đại lý hoặc những người xử lý chuyên nghiệp thu gom.

Eco Eight Yatsushiro Phòng Quản lý, Trung tâm môi trường (Địa điểm tiếp nhận rác cỡ lớn)	Địa chỉ: 299 Minato-machi, Yatsushiro-shi, 866-0033 Điện thoại: 0965-32-4675
Eco Eight Yatsushiro Bộ phận Xúc tiến xã hội tái chế	Địa chỉ: 299 Minato-machi, Yatsushiro-shi, 866-0033 Điện thoại: 0965-34-1997



16 相談

(1) 市民相談室

身近な疑問や困りごとがありましたら、市民相談室をご利用ください。必要な手続きのお手伝いや問題解決のためのアドバイスなどを行います。なお、相談内容についての秘密は守られます。日本語のみ対応のため、日本語が出来る方と一緒に来庁ください。

仮設庁舎東棟 1階 市民相談室	電話：0965-33-4452
-----------------	-----------------

(2) 行政書士による入管問題無料相談会

とき：3ヶ月に1回 その月の第4火曜日 午後1時30分～午後3時30分
ところ：仮設庁舎東棟 1階 市民相談室
内容：家族の招聘、国際結婚、永住、帰化、外国人の雇用・会社設立など

鏡支所 2階 国際課	電話：0965-33-6846
------------	-----------------

(3) 熊本県外国人サポートセンター

熊本県国際協会では、在熊外国人の皆さんが安心して暮らせるよう、多言語による生活相談を行っています。在留手続、雇用、医療、福祉、出産・子育て・子供の教育など、熊本での生活について困っていることがありましたら、お気軽にご相談ください。

相談時間：月曜日から金曜日 8:30～17:15（祝日、12月29日～1月3日を除く）
相談場所：〒862-5870 熊本市水前寺6-18-1 熊本県庁本館7階（国際課内）
対応方法：電話・相談フォーム（ホームページ）・来所
電話 080-4275-4489
対応言語：日本語・英語・中国語・韓国語・ベトナム語・ネパール語・インドネシア語・
タガログ語・タイ語・ポルトガル語・スペイン語
※相談無料・秘密厳守

(4) 警察署

八代警察署	住所：〒866-0863 八代市西松江城町11-40 電話：0965-33-0110
-------	---



16. Tư vấn

(1) Phòng Tư vấn công dân

Nếu bạn có bất kỳ thắc mắc hoặc băn khoăn nào, hãy tìm đến Phòng Tư vấn công dân. Tại đây sẽ hỗ trợ bạn về các thủ tục cần thiết cũng như đưa ra lời khuyên để giải quyết các vấn đề. Hơn nữa, các nội dung tư vấn sẽ được đảm bảo bí mật. Phòng tư vấn chỉ hỗ trợ tiếng Nhật, vì thế bạn hãy đi cùng với người nói được tiếng Nhật.

Phòng Tư vấn công dân, Tầng 1, khu Đông, Văn phòng Chính phủ tạm thời	Điện thoại: 0965-33-4452
--	--------------------------

(2) Hội tư vấn viên pháp luật tư vấn miễn phí về vấn đề nhập cư

Thời gian: 3 tháng 1 lần, vào ngày thứ tư tuần thứ tư của tháng đó, từ 1:30 PM ~ 3:30 PM

Địa điểm: Phòng Tư vấn công dân, Tầng 1, khu Đông, Văn phòng Chính phủ tạm thời

Nội dung: mời gia đình sang Nhật, kết hôn quốc tế, vĩnh trú, nhập quốc tịch, tuyển dụng người nước ngoài/thành lập công ty, v.v...

Bộ phận Quốc tế, Tầng 2, Văn phòng Kagami	Điện thoại: 0965-33-6846
--	--------------------------

(3) Trung tâm Hỗ trợ người nước ngoài tỉnh Kumamoto

Hiệp hội Quốc tế Kumamoto cung cấp tư vấn đa ngôn ngữ về cuộc sống nhằm giúp cư dân người nước ngoài đang cư trú tại Kumamoto có thể yên tâm sinh sống. Nếu bạn có bất kỳ băn khoăn gì liên quan đến cuộc sống tại Kumamoto như thủ tục lưu trú, việc làm, chăm sóc y tế, phúc lợi, sinh con, nuôi dạy con cái, v.v..., đừng ngần ngại đến đây để được tư vấn.

Thời gian tư vấn: 8:30 ~ 17:15, từ thứ hai đến thứ sáu (trừ khoảng thời gian 29/12 ~ 3/1 và các ngày lễ)

Địa điểm tư vấn: (Bộ phận Quốc tế) Tầng 7, Tòa trụ sở chính tỉnh Kumamoto, 6-18-1 Suizenji, Kumamoto-shi, 862-5870

Cách thức nhận hỗ trợ: gọi điện thoại, điền vào phiếu tư vấn (trên trang chủ), đến trực tiếp văn phòng
Điện thoại: 080-4275-4489

Ngôn ngữ hỗ trợ: tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Việt, tiếng Nepal, tiếng Indonesia, tiếng Tagalog, tiếng Thái Lan, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha

*Tư vấn miễn phí và bảo mật tuyệt đối

(4) Sở cảnh sát

Sở cảnh sát Yatsushiro	Địa chỉ: 11-40 Nishimatsuejo-machi, Yatsushiro-shi, 866-0863 Điện thoại: 0965-33-0110
------------------------	---



17 大使館リスト

国名	住所	TEL
オーストラリア大使館	〒108-8361 東京都港区三田 2-1-14	03-5232-4111
カンボジア大使館	〒107-0052 東京都港区赤坂 8-6-9	03-5412-8521
カナダ大使館	〒107-8503 東京都港区赤坂 7-3-38	03-5412-6200
中国大使館	〒106-0046 東京都港区元麻布 3-4-33	03-3403-3388
在福岡中国総領事館	〒810-0065 福岡県福岡市中央区地行浜 1-3-3	092-713-1121
フランス大使館	〒106-8514 東京都港区南麻布 4-11-44	03-5798-6000
ドイツ大使館	〒106-0047 東京都港区南麻布 4-5-10	03-5791-7700
インド大使館	〒102-0074 東京都千代田区九段南 2-2-11	03-3262-2391
インドネシア大使館	〒141-0022 東京都品川区東五反田 5-2-9	03-3441-4201
マレーシア大使館	〒150-0036 東京都渋谷区南平台町 20-16	03-3476-3840
モンゴル国大使館	〒150-0047 東京都渋谷区神山町 21-4	03-3469-2088
ニュージーランド大使館	〒150-0047 東京都渋谷区神山町 20-40	03-3467-2271
フィリピン大使館	〒106-8537 東京都港区六本木 5-15-5	03-5562-1600
大韓民国大使館	〒106-8577 東京都港区南麻布 1-2-5	03-3452-7611
在福岡韓国総領事館	〒810-0065 福岡県福岡市中央区地行浜 1-1-3	092-771-0461
台北駐日経済文化代表処	〒108-0071 東京都港区白金台 5-20-2	03-3280-7811
台北駐福岡経済文化弁事処	〒810-0024 福岡市中央区桜坂 3-12-42	092-734-2810
ネパール大使館	〒153-0064 東京都目黒区下目黒 6-20-28 福川ハウスB	03-3713-6241
ミャンマー大使館	〒140-0001 東京都品川区北品川 4丁目 8-26	03-3441-9291
シンガポール大使館	〒106-0032 東京都港区六本木 5-12-3	03-3586-9111
バングラデシュ大使館	〒102-0094 東京都千代田区紀尾井町 3-29	03-3234-5801
タイ大使館	〒141-0021 東京都品川区上大崎 3-14-6	03-3447-2247
英国大使館	〒102-8381 東京都千代田区一番町 1	03-5211-1100

17. Danh sách đại sứ quán

Tên quốc gia	Địa chỉ	TEL
Đại sứ quán Úc	2-1-14 Mita, Minato-ku, Tokyo, 108-8361	03-5232-4111
Đại sứ quán Campuchia	8-6-9 Akasaka, Minato-ku, Tokyo, 107-0052	03-5412-8521
Đại sứ quán Canada	7-3-38 Akasaka, Minato-ku, Tokyo, 107-8503	03-5412-6200
Đại sứ quán Trung Quốc	3-4-33 Motoazabu, Minato-ku, Tokyo, 106-0046	03-3403-3388
Tổng lãnh sự quán Trung Quốc tại Fukuoka	1-3-3 Jigyohama, Chuo-ku, Fukuoka-shi, Fukuoka-ken, 810-0065	092-713-1121
Đại sứ quán Pháp	4-11-44 Minamiazabu, Minato-ku, Tokyo, 106-8514	03-5798-6000
Đại sứ quán Đức	4-5-10 Minamiazabu, Minato-ku, Tokyo, 106-0047	03-5791-7700
Đại sứ quán Ấn Độ	2-2-11 Kudanminami, Chiyoda-ku, Tokyo, 102-0074	03-3262-2391
Đại sứ quán Indonesia	5-2-9 Higashi Gotanda, Shinagawa-ku, Tokyo, 141-0022	03-3441-4201
Đại sứ quán Malaysia	20-16 Nanpeidaicho, Shibuya-ku, Tokyo, 150-0036	03-3476-3840
Đại sứ quán Mông Cổ	21-4 Kamiyama-cho, Shibuya-ku, Tokyo, 150-0047	03-3469-2088
Đại sứ quán New Zealand	20-40 Kamiyama-cho, Shibuya-ku, Tokyo, 150-0047	03-3467-2271
Đại sứ quán Philippines	5-15-5 Roppongi, Minato-ku, Tokyo, 106-8537	03-5562-1600
Đại sứ quán Hàn Quốc	1-2-5 Minamiazabu, Minato-ku, Tokyo, 106-8577	03-3452-7611
Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc tại Fukuoka	1-1-3 Jigyohama, Chuo-ku, Fukuoka-shi, Fukuoka-ken, 810-0065	092-771-0461
Văn phòng đại diện Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Nhật Bản	5-20-2 Shirokanedai, Minato-ku, Tokyo, 108-0071	03-3280-7811
Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Fukuoka	3-12-42 Sakurazaka, Chuo-ku, Fukuoka-shi, 810-0024	092-734-2810
Đại sứ quán Nepal	Fukukawa House B, 6-20-28 Shimomeguro, Meguro-ku, Tokyo, 153-0064	03-3713-6241
Đại sứ quán Myanmar	4-8-26 Kitashinagawa, Shinagawa-ku, Tokyo, 140-0001	03-3441-9291
Đại sứ quán Singapore	5-12-3 Roppongi, Minato-ku, Tokyo, 106-0032	03-3586-9111
Đại sứ quán Bangladesh	3-29 Kioi-cho, Chiyoda-ku, Tokyo, 102-0094	03-3234-5801
Đại sứ quán Thái Lan	3-14-6 Kamiosaki, Shinagawa-ku, Tokyo, 141-0021	03-3447-2247
Đại sứ quán Anh	1 Ichiban-cho, Chiyoda-ku, Tokyo, 102-8381	03-5211-1100

アメリカ大使館	〒107-8420 東京都港区赤坂 1-10-5	03-3224-5000
在福岡アメリカ領事館	〒810-0052 福岡県福岡市中央区大濠 2-5-26	092-751-9331
ベトナム大使館	〒151-0062 東京都渋谷区元代々木町 50-11	03-3466-3311
在福岡ベトナム総領事館	〒810-0801 福岡市博多区中洲 5-3-8 アクア博多 4 階	092-263-7668

Đại sứ quán Hoa Kỳ	1-10-5 Akasaka, Minato-ku, Tokyo, 107-8420	03-3224-5000
Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Fukuoka	2-5-26 Ohori, Chuo-ku, Fukuoka-shi, Fukuoka-ken, 810-0052	092-751-9331
Đại sứ quán Việt Nam	50-11 Motoyoyogi-cho, Shibuya-ku, Tokyo, 151-0062	03-3466-3311
Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka	4F, Aqua Hakata, 5-3-8 Nakasu, Hakata-ku, Fukuoka-shi, 810-0801	092-263-7668

Bộ phận Quốc tế, Văn phòng Thị Trưởng,

Thành phố Yatsushiro

八代市 市長公室 国際課

TEL : 0 9 6 5 - 3 3 - 6 8 4 6

FAX : 0 9 6 5 - 5 2 - 8 1 2 3

E-mail: kokusai@city.yatsushiro.lg.jp

Homepage [http : //www.city.yatsushiro.lg.jp/](http://www.city.yatsushiro.lg.jp/)